

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**QUÁ TRÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN (2015-2020)**

**Mã số: T2022-B18**

**Xác nhận của tổ chức chủ trì**

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Vũ Ngọc Pi**

**Chủ nhiệm đề tài**

*(ký, họ tên)*

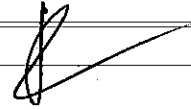
**ThS. Trương Thị Thùy Liên**

**Thái Nguyên, tháng 4 năm 2023**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi, các số liệu và kết quả nghiên cứu của đề tài là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.*

**Chủ nhiệm đề tài**



**ThS. Trương Thị Thùy Liên**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU</b> .....	
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	
<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I</b> .....	<b>9</b>
<b>NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN (2015-2020)</b> .....	<b>9</b>
1.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020 .....	9
1.1.1. Khái niệm FDI .....	9
1.1.2. Vai trò của FDI.....	11
1.1.3. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên .....	13
1.1.4. Điều kiện kinh tế - xã hội .....	15
1.2. Chủ trương của Đảng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam .....	24
1.2.1. Chủ trương của Đảng .....	24
1.2.2. Chủ trương của tỉnh Thái Nguyên .....	31
<b>CHƯƠNG II</b> .....	<b>34</b>
<b>THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN (2015-2020)</b> .....	<b>34</b>
2.1. Chính sách của tỉnh Thái Nguyên trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài .....	34
2.1.1. Chính sách khuyến khích, xúc tiến đầu tư .....	35
2.1.2. Chính sách hỗ trợ, đào tạo người lao động .....	36
2.1.3. Chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường.....	37
2.1.4. Chính sách cải cách hành chính .....	38

2.2. Kết quả thu hút FDI vào Thái Nguyên giai đoạn 2015 – 2020.....	39
2.2.1. Theo hình thức đầu tư và theo đối tác.....	39
2.2.2. Theo địa bàn đầu tư.....	41
2.2.3. Theo ngành, lĩnh vực.....	41
2.3. Những hạn chế và nguyên nhân trong thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên .....	47
2.3.1. Những hạn chế .....	47
2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế.....	48
<b>CHƯƠNG III.....</b>	<b>51</b>
<b>ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG NHỮNG NĂM TỚI.....</b>	<b>51</b>
3.1. Giải pháp cải thiện trình độ người lao động.....	51
3.2. Giải pháp tăng cường cho ngân sách và phát triển doanh nghiệp phụ trợ .....	52
3.3. Giải pháp về điều kiện làm việc .....	53
3.4. Giải pháp về các chính sách thu hút FDI tại Thái Nguyên.....	57
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>60</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	

## DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

<b>STT</b>	<b>Bảng</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1	2.1	Cơ cấu FDI Thái Nguyên theo đối tác giai đoạn 2015-2020	40
2	2.2	Cơ cấu FDI Thái Nguyên theo địa bàn giai đoạn 2015-2020	41
3	2.3	Cơ cấu FDI Thái Nguyên theo ngành, lĩnh vực giai đoạn 2015-2020	42

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	CCN	Cụm công nghiệp
2	DN	Doanh nghiệp
3	ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
4	KCN	Khu công nghiệp
5	KT-XH	Kinh tế xã hội
6	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
7	NĐT	Các nhà đầu tư
8	NSNN	Ngân sách nhà nước
9	NQCP	Nghị quyết chính phủ
10	UBND	Ủy ban nhân dân
11	USD	Đô la
12	GPĐT	Giấy phép đầu tư

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngày càng trở nên phổ biến và đóng vai trò ngày càng quan trọng. Việt Nam được quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia thu hút FDI thành công nhất khu vực và trên thế giới, trở thành địa điểm đầu tư tin cậy, hiệu quả trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Báo cáo 2017 của Tổ chức Thương mại và phát triển Liên Hợp quốc đánh giá, Việt Nam nằm trong Top 12 quốc gia thành công nhất về thu hút FDI. Trải qua chặng đường hơn 30 năm đổi mới đến nay, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã ngày càng thể hiện được vai trò quan trọng và đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

Thái Nguyên, là trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng trung du miền núi Đông Bắc nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Với vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế nội bài 50 km, cách biên giới Trung Quốc 200 km, cách trung tâm Hà Nội 75 km và cảng Hải Phòng 200 km. Thái Nguyên còn là điểm nút giao lưu thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẽ quạt kết nối với các tỉnh thành. Trong những năm vừa qua, công tác thu hút đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có những bước tiến mới, đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành điểm sáng về thu hút đầu tư trong cả nước. Đặc biệt, năm 2014, cùng với việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án Tổ hợp công nghệ cao Samsung, Thái Nguyên đã vươn lên trở thành tỉnh dẫn đầu thu hút vốn FDI vào Việt Nam với 3,27 tỷ USD. Do có bước nhảy vọt thu hút đầu tư FDI, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và ấn tượng: tốc độ tăng trưởng kinh tế các năm gần đây đều

cao hơn mức tăng trưởng trung bình của cả nước, tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận, các dự án FDI đã góp phần đưa Thái Nguyên từ một tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp chủ yếu trông chờ vào công nghiệp luyện kim, khai khoáng, dịch chuyển sang công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ.

Tuy nhiên, việc thu hút FDI của Thái Nguyên được đánh giá là chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Hơn nữa, trong điều kiện cạnh tranh gay gắt như hiện nay, cùng với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, Thái Nguyên cần có chiến lược và giải pháp để tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm tới.

Nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề, tôi lựa chọn đề tài: **“Quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên giai đoạn (2015-2020)”** làm đề tài NCKH của mình.

## **2. Mục tiêu**

Đề tài nghiên cứu thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

## **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên

Phạm vi nghiên cứu: Năm 2015 việc thu hút FDI của tỉnh tăng lên rõ rệt do đó tác giả đã tập trung nghiên cứu từ năm 2015 đến năm 2020.

## **4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu**

Cách tiếp cận: nghiên cứu từ chủ trương của Đảng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam; chính sách của tỉnh Thái Nguyên trong việc tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm qua.



Phương pháp nghiên cứu: đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như: phương pháp chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phương pháp phân tích số liệu, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh...

### **5. Tổng quan tình hình nghiên cứu về thu hút FDI**

Nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam nói chung và nghiên cứu làm rõ các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng là chủ đề có tính hấp dẫn đối với nhiều chuyên gia kinh tế, nhiều cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp ở Việt Nam. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của các tác giả trong và ngoài nước. Trong đó, có thể nêu ra những nhóm công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Việt Bằng và cộng sự (năm 2018) trong bài "*Các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Đồng Nai*". Nhóm tác giả cho rằng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chịu tác động bởi 08 yếu tố, bao gồm: Kết cấu hạ tầng đầu tư, chính sách đầu tư, chất lượng dịch vụ công, nguồn nhân lực, môi trường sống và làm việc, chi phí đầu vào cạnh tranh, lợi thế ngành đầu tư, thương hiệu địa phương. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát 365 nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Đồng Nai. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 08 yếu tố tác động đến quyết định của nhà đầu tư thì yếu tố kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực là các yếu tố tác động nhiều nhất. Điều này có nghĩa là, kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực là 02 yếu tố mà các nhà đầu tư xem xét nhiều nhất trước khi đưa ra quyết định đầu tư tại Đồng Nai. Vì vậy, để các nhà đầu tư quyết định đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, lãnh đạo địa phương cần quan tâm nhiều đến 02 yếu tố này. Đây sẽ làm cơ sở để thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nhóm tác giả Lê Tuấn Lộc và Nguyễn Thị Tuyết (năm 2017) trong bài nghiên cứu “*Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài: Trường hợp nghiên cứu điển hình tại thành phố Đà Nẵng*” cho rằng sự thỏa mãn của nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài chịu tác động trực tiếp bởi 08 yếu tố: nhóm yếu tố về quy mô thị trường; nhóm yếu tố về chất lượng nguồn nhân lực; nhóm yếu tố về chi phí; nhóm yếu tố về kết cấu hạ tầng; nhóm yếu tố về sự hình thành cụm ngành; nhóm yếu tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương; nhóm yếu tố về chính sách ưu đãi đầu tư; nhóm yếu tố về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát 150 doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại thành phố Đà Nẵng thông qua bảng câu hỏi chi tiết bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện vào tháng 5/2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng sự thỏa mãn của nhà đầu tư chịu tác động trực tiếp bởi 05 nhóm yếu tố lần lượt là: nhóm yếu tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương; nhóm yếu tố về chính sách về ưu đãi đầu tư của địa phương; nhóm yếu tố về chất lượng nguồn nhân lực; nhóm yếu tố về kết cấu hạ tầng; nhóm yếu tố về sự hình thành và phát triển cụm ngành.

Tác giả Đinh Phi Hồ (năm 2018) trong bài nghiên cứu “*Yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp*” đã thực hiện nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tại Bình Phước. Tác giả cho rằng dòng vốn FDI chảy vào các KCN chịu tác động trực tiếp bởi 08 yếu tố, bao gồm: Kết cấu hạ tầng đầu tư, chính sách đầu tư, chất lượng dịch vụ công, nguồn nhân lực, môi trường sống và làm việc, chi phí đầu vào cạnh tranh, lợi thế ngành đầu tư, thương hiệu địa phương. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng để thực hiện nghiên cứu thông qua khảo sát 226 doanh nghiệp đang hoạt động tại các KCN tại Việt Nam. Tác giả đã sử dụng biến hài lòng của nhà đầu tư để thể hiện yếu tố thu hút đầu tư. Kết quả

nghiên cứu cho thấy rằng sự hài lòng của doanh nghiệp chịu tác động bởi 08 yếu tố: Chi phí cạnh tranh, chính sách đầu tư, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, môi trường sống, lợi thế đầu tư, lợi thế về lao động địa phương, năng lực lãnh đạo địa phương.

Nguyễn Thị Tuệ Anh cùng cộng sự, (2015) *Tác động của Đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu trong khuôn khổ Dự án CIEMSIDA về tăng cường năng lực cải cách kinh tế vĩ mô ở Việt Nam. Nghiên cứu này tập trung vào phân tích tác động của FDI đến phát triển kinh tế của Việt Nam, dựa trên các dữ liệu của Việt Nam và Tổng cục Thống kê. Thời gian nghiên cứu trong giai đoạn 2010- 2014.

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp cả phương pháp phân tích thống kê, phân tích tổng hợp và mô hình hóa. Đặc điểm phương pháp cho phép rút ra kết luận từ các phân tích định lượng.

Đặng Thành Cương (2018) với Luận án tiến sỹ “*Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nghệ An*”, đã đưa ra một số vấn đề lý luận về thu hút FDI vào địa phương, phân tích đánh giá thực trạng thu hút và hiệu quả vốn FDI ở tỉnh Nghệ An, đánh giá được sự thành công và hạn chế. Từ đó đề xuất một số giải pháp cụ thể để tăng cường thu hút FDI vào Nghệ An.

Hà Thanh Việt (2017) với Luận án tiến sỹ “*Thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*”, tác giả đã phân tích luận giải về các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng thu hút và sử dụng hiệu quả vốn FDI tỉnh Bắc Ninh, khái quát được tình hình kinh tế - xã hội của vùng tỉnh Bắc Ninh, nhấn mạnh tầm quan trọng của vốn FDI trên cơ sở đánh giá phân tích thực trạng về hiệu quả thu hút và sử dụng vốn FDI tại tỉnh Bắc Ninh và những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên. Từ đó tác giả đề ra ba

nhóm giải pháp và có những giải pháp đặc thù áp dụng riêng cho tỉnh Bắc Ninh.

Lê Công Toàn (2018) Luận án tiến sỹ “*Các giải pháp tài chính nhằm tăng cường thu hút và quản lý FDI tại tỉnh Thái Nguyên*”, đã nêu rõ về vai trò của các giải pháp tài chính trong thu hút và quản lý FDI, kinh nghiệm một số nước trong việc sử dụng các công cụ tài chính để thu hút FDI, đánh giá thực trạng sử dụng các giải pháp tài chính trong thu hút và quản lý FDI của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015 – 2017, đã đề ra các giải pháp cụ thể và các điều kiện cần thiết để thu hút và tăng cường quản lý FDI giai đoạn 2020-2025.

Những công trình nêu trên đã tiến hành nghiên cứu các yếu tố tác động tới thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một địa bàn cụ thể trên nhiều khía cạnh khác nhau, ở nhiều địa phương khác nhau và trong những khoảng thời gian khác nhau.

Sau khi tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã được thực hiện nghiên cứu liên quan về đầu tư trực tiếp nước ngoài, kết quả cho thấy:

*Một là*, các nghiên cứu chủ yếu là sử dụng phương pháp định lượng thông qua sử dụng bộ dữ liệu thứ cấp để xác định và lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài song chưa làm rõ các nguyên tắc hay tiêu chí đánh giá về các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp tỉnh.

*Hai là*, đã có một số công trình bàn về các yếu tố tác động tới thu hút đầu tư nước ngoài, song chưa có công trình nghiên cứu nào xem xét tác động của yếu tố liên kết vùng trong tỉnh. Trong khi tồn tại thực tế yếu tố liên kết vùng dựa trên sự phân công lao động, lợi thế so sánh của từng vùng trong tỉnh.

Bên cạnh đó, cơ chế liên kết vùng, phương thức thực hiện lợi ích giữa các địa phương trong vùng khi thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp tỉnh, xét riêng tỉnh Thái Nguyên, làm thế nào để hài hòa hóa các quan hệ lợi ích trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng chưa được các công trình đã công bố làm sáng rõ. Mặc dù có nhiều khoảng trống nghiên cứu nêu trên, tuy nhiên trong đề tài này tác giả tập trung giải quyết các khía cạnh cụ thể gồm:

*Một là*, làm rõ hơn các khung lý thuyết về các yếu tố tác động đến thu hút FDI cấp tỉnh, mối liên hệ giữa các yếu tố tác động đến thu hút FDI cấp tỉnh và đặc biệt phân tích yếu tố liên kết vùng là yếu tố mới tác động đến thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên.

*Hai là*, phân tích thực trạng các yếu tố tác động đến thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2019. Đánh giá và chỉ rõ những vấn đề đặt ra trong việc phát huy tác động tích cực của các yếu tố tới thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên.

*Ba là*, làm rõ hơn các giải pháp nhằm phát huy các yếu tố tích cực tác động đến thu hút FDI để đẩy mạnh thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên.

## **6. Đóng góp của đề tài**

Đề tài đã cơ bản phân tích và đánh giá được thực trạng thu hút FDI tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020 và đã đề xuất giải pháp tăng cường thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên.

## **7. Nội dung chính:**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, đề tài gồm có 3 chương:

Chương I: Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020

**Chương II: Đánh lãnh đạo quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên giai đoạn (2015-2020)**

**Chương III: Đề xuất một số giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên trong những năm tới.**

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH THU**  
**HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH**  
**THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN (2015-2020)**

**1.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020**

**1.1.1. Khái niệm FDI**

Có rất nhiều quan niệm khác nhau về đầu tư trực tiếp nước ngoài. Sau đây là một số quan niệm mà các nhà kinh tế thường dùng trong khi phân tích về nguồn vốn đầu tư này:

Theo quỹ tiền tệ quốc tế IMF, FDI (Foreign Direct Investment) được định nghĩa là “*một khoản đầu tư với những quan hệ lâu dài, theo đó một tổ chức trong một nền kinh tế (nhà đầu tư trực tiếp) thu được lợi ích lâu dài từ một doanh nghiệp đặt tại một nền kinh tế khác*”. Mục đích của nhà đầu tư trực tiếp là muốn có nhiều ảnh hưởng trong việc quản lý doanh nghiệp đặt tại nền kinh tế khác đó. (Đình Phi Hồ, 2018).

Các nhà kinh tế quốc tế định nghĩa: đầu tư trực tiếp nước ngoài là người sở hữu tại nước này mua hoặc kiểm soát một thực thể kinh tế của nước khác. Đó là một khoản tiền mà nhà đầu tư trả cho một thực thể kinh tế của nước ngoài để có ảnh hưởng quyết định đối với thực thể kinh tế ấy hoặc tăng thêm quyền kiểm soát trong thực thể kinh tế ấy. (Đình Phi Hồ, 2018)

Từ những khái niệm trên có thể hiểu một cách khái quát về đầu tư trực tiếp nước ngoài như sau: “*Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tại một quốc gia là việc nhà đầu tư ở một nước khác đưa vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào vào quốc gia đó để có được quyền sở hữu và quản lý hoặc quyền kiểm soát một thực thể kinh tế tại quốc gia đó, với mục tiêu tối đa hoá lợi ích của mình*”.

Tài sản có thể là tài sản hữu hình (máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ, bất động sản, các loại hợp đồng và giấy phép có giá trị ...), tài sản vô

hình (quyền sở hữu tí tuệ, bí quyết và kinh nghiệm quản lý...) hoặc tài sản tài chính (cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, giấy ghi nợ...). (Nguyễn Trọng Hoài, 2007)

Hiện nay, có các hình thức đầu tư FDI chính sau:

Thứ nhất, đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn từ nhà đầu tư nước ngoài.

Nhà đầu tư nước ngoài được phép thành lập công ty theo quy định của pháp luật doanh nghiệp tại Việt Nam. Trước khi thành lập doanh nghiệp, nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện về vốn được quy định tại Khoản 4 Điều 22 Luật Đầu tư 2014; có dự án đầu tư và phải xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Đầu tư 2014.

Thứ hai, đầu tư trực tiếp theo hình thức thành lập doanh nghiệp liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước hoặc Chính phủ trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Hình thức đầu tư này rất phổ biến ở Việt Nam. Doanh nghiệp liên doanh được thành lập tại nước sở tại theo quy định của pháp luật Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh được ký kết giữa một bên là nhà đầu tư nước ngoài với một bên là nhà đầu tư trong nước hoặc cơ quan chính phủ nước sở tại.

Thứ ba, đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP (Public - Private Partnership). Đây là hình thức hợp đồng mà theo đó nhà đầu tư ký kết hợp đồng PPP với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, quản lý và vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc cung cấp dịch vụ công.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài được xem là một trong những điểm sáng hay thành tựu nổi bật nhất của Việt Nam kể từ khi đổi mới đến nay. FDI đã góp phần làm gia tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước.



## **1.1.2. Vai trò của FDI**

### **1.1.2.1. Đối với phát triển kinh tế**

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Thể hiện ở những điểm sau:

#### *Giải quyết tình trạng thiếu vốn*

Khi nguồn vốn FDI “đổ vào” nước tiếp nhận đầu tư, nó giải quyết tình trạng thiếu vốn của các nước này cho hoạt động phát triển kinh tế xã hội do tích lũy nội bộ thấp, không đủ đáp ứng các yêu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội. Thiếu vốn dẫn đến cản trở hoạt động đầu tư và đổi mới kỹ thuật trong điều kiện khoa học – kỹ thuật thế giới phát triển mạnh. Nhờ nguồn vốn này các nước tiếp nhận có thể tiến hành các hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực mới và mở rộng hoạt động sản xuất đối với các lĩnh vực mà trước đây không có điều kiện phát triển.

#### *Thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.*

FDI ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của nước tiếp nhận nguồn vốn này. FDI ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của nước tiếp nhận nguồn vốn này. Vì đa phần FDI đầu tư vào ngành công nghiệp – ngành tạo ra giá trị lớn, đóng góp quan trọng trong GDP của mỗi nước. Vì vậy, khi FDI chảy mạnh vào đó, nó sẽ tạo ra động lực cho ngành công nghiệp của nước tiếp nhận, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tỷ trọng trong GDP của công nghiệp và dịch vụ tăng lên, còn tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống.

#### *Thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ*

Cùng với việc giải quyết tình trạng thiếu vốn và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế thì FDI có vai trò quan trọng trong việc chuyển giao công nghệ từ nước đầu tư sang nước nhận đầu tư. Thông qua đó Việt Nam có thể tiếp nhận và học hỏi kinh nghiệm sử dụng các công nghệ tiên tiến hiện đại, học hỏi kinh nghiệm quản lý từ các nước phát triển để áp dụng vào nền

kinh tế trong nước. Trong những năm gần đây có nhiều dự án đầu tư vào nước ta có nguồn vốn lớn và thường sử dụng các công nghệ tiên tiến với đội ngũ cán bộ trình độ cao đây là cơ hội tốt cho Việt Nam trên con đường trở thành nước công nghiệp và thực hiện tốt quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

#### *Góp phần cải thiện cán cân thương mại*

FDI có vai trò quan trọng trong việc nâng cao sản lượng xuất khẩu và cải thiện cán cân thanh toán. Xuất khẩu là một biện pháp quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và tăng nguồn thu đối với mỗi quốc gia, đối với các nước đang phát triển thì cán cân xuất nhập khẩu luôn trong tình trạng thâm hụt. FDI đã góp phần hạn chế tình trạng thâm hụt thông qua những đóng góp của mình vào trong hoạt động xuất khẩu.

#### *Tăng nguồn thu cho ngân sách*

Ngoài ra FDI còn góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước thông qua các khoản thu từ thuế. Hàng năm FDI đóng góp tỷ lệ không nhỏ trong các khoản thu của Chính phủ, làm tăng thêm nguồn thu của Chính phủ.

#### *1.1.2.2. Đối với phát triển các lĩnh vực xã hội*

Ngoài việc đóng góp vào phát triển kinh tế thì FDI cũng có vai trò quan trọng trong phát triển các lĩnh vực xã hội

Thứ nhất, nó góp phần giải quyết việc làm và cải thiện đời sống người lao động. Từ khi luật đầu tư trực tiếp nước ngoài ra đời đã thu hút một khối lượng lớn người lao động vào làm việc cho thành phần kinh tế này. Thất nghiệp giảm đáng kể, thu nhập của người lao động tăng lên.

Thứ hai, hiện nay đã có những dự án đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực y tế, giáo dục... với trang thiết bị hiện đại, có chất lượng góp phần đảm bảo nhu cầu của người dân do tình trạng quá tải ở Việt Nam gây ra. Như ta thấy ở Việt Nam số lượng người dân trên một bác sỹ là rất cao do đó không

đáp ứng được yêu cầu của người dân, trong khi với điều kiện giới hạn của ngân sách không thể đáp ứng hết được các yêu cầu này. Vì vậy việc thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực y tế và giáo dục là rất quan trọng.

Thứ ba, thực hiện các yêu cầu về đảm bảo các vấn đề về môi trường. Khi thực hiện hoạt động đầu tư tại nước sở tại thì các nhà đầu tư thường mang những công nghệ cao sang để thực hiện hoạt động đầu tư. Đây là yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ môi trường góp phần nâng cao đời sống của người dân, giúp giảm thiểu các vấn đề về ô nhiễm môi trường.

Như vậy FDI có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế Việt Nam, đồng thời nó góp phần cải thiện các vấn đề xã hội.

### ***1.1.3. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên***

Tỉnh Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng trung du miền núi đông bắc nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ; phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội (cách 80 km); diện tích tự nhiên 3.562,82 km<sup>2</sup>.

Tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính: Thành phố Thái Nguyên; Thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên và 6 huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương. Tổng số gồm 180 xã, trong đó có 125 xã vùng cao và miền núi, còn lại là các xã đồng bằng và trung du.

Với vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế nội bài 50 km, cách biên giới Trung Quốc 200 km, cách trung tâm Hà Nội 75 km và cảng Hải Phòng 200 km. Thái Nguyên còn là điểm nút giao lưu thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẽ quạt kết nối với các tỉnh thành, đường quốc lộ 3 nối Hà Nội đi Bắc Kạn; Cao Bằng và cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc; quốc lộ 1B Lạng Sơn; quốc lộ 37 Bắc Ninh, Bắc Giang. Hệ

thông đường sông Đa Phúc - Hải Phòng; đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội - Lạng Sơn.

Về tiềm năng và tài nguyên thiên nhiên: Địa hình không phức tạp lắm so với các tỉnh trung du, miền núi khác, đây là một thuận lợi của Thái Nguyên cho canh tác nông lâm nghiệp và phát triển kinh tế xã hội nói chung so với các tỉnh trung du miền núi khác.

Khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 10 đến tháng 5. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.000 đến 2.500 mm; cao nhất vào tháng 8 và thấp nhất vào tháng 1. Mùa đông được chia thành 3 vùng rõ rệt: Vùng lạnh nhiều năm ở phía bắc huyện Võ Nhai; Vùng lạnh vừa gồm các huyện Định Hóa, Phú Lương và phía nam huyện Võ Nhai; Vùng ấm gồm các huyện: Đại Từ, Thành phố Thái Nguyên, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên và Thị xã Sông Công. Nhiệt độ chênh lệch giữa tháng nóng nhất (tháng 6: 28,9°C) với tháng lạnh nhất (tháng 1: 15,2°C) là 13,7°C. Tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1.300 đến 1.750 giờ và phân phối tương đối đều cho các tháng trong năm. Nhìn chung, khí hậu tỉnh Thái Nguyên thuận lợi cho phát triển ngành nông, lâm nghiệp.

Tài nguyên khoáng sản phong phú về chủng loại, là một lợi thế so sánh lớn trong việc phát triển các ngành công nghiệp luyện kim, khai khoáng... Tỉnh Thái Nguyên có trữ lượng than lớn thứ hai trong cả nước, than mỡ trữ lượng trên 15 triệu tấn, than đá trữ lượng khoảng 90 triệu tấn; kim loại màu có thiếc, chì, kẽm, vonfram, vàng, đồng, niken, thủy ngân... Khoáng sản vật liệu xây dựng cũng là tiềm năng nguyên liệu rất lớn để sản xuất xi măng, sản xuất đá ốp lát các loại và sản xuất vật liệu xây dựng.

Hạ tầng cơ sở như hệ thống điện, nước, bưu chính viễn thông, giao thông (kể cả đường bộ, đường sắt và đường thủy) phát triển khá hoàn thiện và thuận lợi.

Với lợi thế có nhiều danh lam thắng cảnh tự nhiên và nhân tạo như hồ Núi Cốc, các di tích lịch sử như: An toàn khu Việt Bắc - ATK, có rừng Khuôn Mảnh và di tích khảo cổ học thời kỳ đồ đá cũ ở huyện Võ Nhai. Bên cạnh đó, còn có các di tích kiến trúc nghệ thuật chùa chiền, đình, đền tại nhiều địa phương trong tỉnh như: Khu Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, Đền Đuôm, chùa Hang, chùa Phú Liễn, đền Xương Rồng, đền Đội Cấn. Hiện nay, Thái Nguyên đang triển khai quy hoạch khu du lịch hang Phụng Hoàng, suối Mỏ Gà, Hồ Suối Lạnh... và cả hệ thống khách sạn chất lượng cao gần đạt tiêu chuẩn quốc tế. Năm 2007 Thái Nguyên đã tổ chức rất thành công năm du lịch quốc gia hướng về cội nguồn chiến khu Việt Bắc thu hút hàng triệu khách du lịch đến thăm trong đó có nhiều khách nước ngoài.

#### **1.1.4. Điều kiện kinh tế - xã hội**

##### **1.1.4.1. Về tình hình kinh tế**

Tỉnh Thái Nguyên có dân số gần 1,3 triệu người, 46 dân tộc anh em, trong đó có 08 dân tộc thiểu số có số đông. Là tỉnh đứng thứ 3 toàn quốc về giáo dục, đào tạo và y tế, có Đại học Thái Nguyên, với 09 trường đại học, 77 trường cao đẳng, trung học và dạy nghề, với khoảng 140 nghìn giáo viên, sinh viên và học sinh; là trung tâm y tế lớn với Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, 25 cơ sở y tế trực thuộc tỉnh. Trong giai đoạn 2015-2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm tăng 11,1%, vượt mục tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp – xây dựng, thương mại và dịch vụ. Thu nhập bình quân đầu người đạt 90 triệu đồng. Hiện nay, cơ cấu kinh tế của tỉnh là: Công nghiệp, xây dựng 57,3%; dịch vụ 30,8%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 11,9%.

Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Năm 2019 và 2020 sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn, như: Thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đến sản xuất trồng trọt; tình hình dịch

bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp, đặc biệt bệnh dịch tả Châu Phi xuất hiện và lây lan nhanh, phạm vi rộng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển chăn nuôi lợn, gây tổn thất lớn về kinh tế, tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống người chăn nuôi và ảnh hưởng tới kết quả sản xuất chung toàn ngành. Tuy nhiên, do có sự chỉ đạo quyết liệt và triển khai các giải pháp đẩy mạnh sản xuất các cây trồng, vật nuôi để bù đắp phần giá trị thiếu hụt trong chăn nuôi lợn; trong đó đẩy mạnh chăn nuôi gia cầm, thủy sản đồng thời chú trọng trồng, thâm canh rau, đậu, cây ăn quả, cây chè và chăm sóc, khai thác sản phẩm từ rừng...

Trong trồng trọt: đối với cây lương thực, năm 2020 do yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng và chuyển đổi cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn, một số địa phương chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích sử dụng khác nên diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm so với năm trước ở hầu hết các loại cây trồng, riêng chỉ có cây rau, thuốc lá có diện tích tăng.

Trong chăn nuôi: những năm qua chăn nuôi lợn gặp nhiều khó khăn do phát sinh bệnh Lở mồm long móng và dịch tả lợn Châu Phi. Địa phương và ngành chức năng đã chỉ đạo quyết liệt, đồng thời thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

Trong lâm nghiệp: Đối với công tác quản lý và bảo vệ rừng, các ngành chức năng chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô 2019-2020; tham gia diễn tập chữa cháy rừng theo kế hoạch diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, thị trấn năm 2019. Triển khai công tác tuyên truyền, tập huấn; lũy kế 12 tháng tổ chức 195 lớp với 8.962 lượt người tham gia.

Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 5.923 ha, tăng 0,6% so cùng kỳ và bằng 95,5% kế hoạch (6.200 ha); trong đó

diện tích nuôi cá đạt 5.823 ha; diện tích ương nuôi giống thủy sản đạt 100 ha. Sản xuất được 550 triệu cá bột, 54 triệu cá giống các loại. Sản lượng thủy sản cả năm đạt khoảng 14 nghìn tấn, tăng 15,7% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 13,65 nghìn tấn, tăng 15,6% so cùng kỳ; sản lượng thủy sản khai thác đạt 0,25 nghìn tấn, tăng 25% so cùng kỳ.

Trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp các tháng quý 4/2020 tăng nên chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp giảm, đã tác động tích cực đến sản xuất công nghiệp những tháng cuối năm. Thái Nguyên là một trong những tỉnh đứng đầu trong vùng về sản xuất công nghiệp; năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt 783.619 tỷ đồng, gấp 2,07 lần so với năm 2015, đứng thứ 4 cả nước. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp có bước phát triển mạnh trong giai đoạn 2016 - 2020 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15,8%/năm. Tổng vốn đầu tư phát triển đạt 239,1 nghìn tỷ đồng, tăng 18,98% so với giai đoạn 2011 - 2015; hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bình quân giai đoạn đạt 5,4. Tỉnh Thái Nguyên luôn nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về thu hút đầu tư và trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Đồng thời, Thái Nguyên cũng là tỉnh có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện nay, tỉnh có nhiều khu, cụm công nghiệp lớn, như khu công nghiệp Yên Bình, Sông Công I, Sông Công II, Diềm Thụy, Nam Phổ Yên... Tiếp tục phát huy các lợi thế, tỉnh Thái Nguyên tập trung phát triển nhiều ngành công nghiệp hiện đại, như điện tử và vi mạch bán dẫn; chế tạo máy, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp; công nghiệp nhẹ, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp sản xuất kim loại; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản... Nhiều sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo đáp ứng nhu cầu

lớn của thị trường trong nước và nước ngoài, như: sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử, sản phẩm cơ khí, may mặc, chè...

Đối với lĩnh vực đầu tư: tính đến hết năm 2020 toàn tỉnh có 869 dự án, trong đó Dự án đầu tư trong nước là 740, với số vốn: 146 nghìn tỷ đồng; Dự án đầu tư nước ngoài (FDI): 129 dự án, với tổng số vốn đăng ký trên 7,3 tỷ USD, tương đương 158 nghìn tỷ đồng; Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn: hơn 6.000 doanh nghiệp, trong đó có gần 6.000 doanh nghiệp trong nước với số vốn đăng ký 78.117 tỷ đồng; trên 120 doanh nghiệp nước ngoài (FDI) với tổng số vốn đăng ký trên 10.800 tỷ đồng. Rất nhiều các nhà đầu tư lớn, có uy tín, kinh nghiệm trong và ngoài nước đã có mặt đầu tư kinh doanh, tìm hiểu cơ hội đầu tư, hợp tác tại tỉnh Thái Nguyên như: Tập đoàn Samsung; Công ty CP Tập đoàn Vingroup; Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường, Mani... Chỉ riêng năm 2020 trên địa bàn tỉnh đã có 09 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đăng ký là 29,4 triệu USD (so với cùng kỳ năm 2019 tăng 05 dự án và vốn đăng ký tăng 78,2%); điều chỉnh tăng vốn 03 lượt, tổng số vốn đăng ký thêm là 13,5 triệu USD.

Đối với hoạt động xuất, nhập khẩu. Xuất khẩu: Quý IV năm 2019 tổng giá trị xuất khẩu ước đạt 7 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 156 triệu USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6,8 tỷ USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ. Nhóm sản phẩm tăng cao so với cùng kỳ trong quý IV/2019 là: linh kiện điện tử và phụ tùng khác đạt 1,41 tỷ USD, tăng 10%; máy tính bảng đạt 968 triệu USD, tăng 8,5%; sản phẩm từ sắt thép đạt 19,7 triệu USD, tăng 7,3%... Nhóm sản phẩm đạt thấp hoặc giảm hơn so với cùng kỳ như: sản phẩm may đạt 151,3 triệu USD, tăng 2%; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 51 triệu USD, giảm 20,7%. Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2019 đạt 27,6 tỷ USD, tăng 11,2% so cùng kỳ;



trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 27 tỷ USD (chiếm 98% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 10,9% so với cùng kỳ; xuất khẩu địa phương là 558,8 triệu USD, tăng 30% so năm 2018.

Nhập khẩu: Tổng giá trị nhập khẩu trên địa bàn quý IV/2019 đạt 3,6 tỷ USD, giảm 12,8% so với cùng kỳ. Trong đó nhóm mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn là: nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 3,44 tỷ USD, giảm 10,5% so với cùng kỳ; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 35,2 triệu USD, giảm 49,7%... Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn năm 2019 đạt 15,2 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, bước sang năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh Thái Nguyên cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Giá trị xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh đạt gần 24 tỷ đô la Mỹ, giảm 9% so với cùng kỳ và bằng 81% kế hoạch năm. Theo đó, xuất khẩu địa phương quản lý đạt khoảng 405 triệu đô la Mỹ, giảm 19% so với cùng kỳ và bằng gần 60% kế hoạch năm. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài giá trị xuất khẩu đạt gần 23,5 tỷ đô la Mỹ, giảm trên 9% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm các sản phẩm điện thoại thông minh, máy tính bảng linh kiện điện tử giảm gần 7% so với cùng kỳ. Các mặt hàng như sắt thép, phụ tùng vận tải, may mặc, kim loại màu và sản phẩm chè các loại giảm từ 9 đến gần 45% so với cùng kỳ. Bên cạnh các mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng trưởng âm, thì một số sản phẩm từ giấy, linh kiện và các phụ tùng khác có mức tăng trưởng khá ổn định. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt khoảng 26,7 tỷ đô la Mỹ, giảm khoảng 3% so với cùng kỳ và bằng 90,5% kế hoạch năm.

Có thể thấy, Thái Nguyên đã phát huy truyền thống của quê hương cách mạng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên luôn đoàn kết, sáng tạo, giữ vững niềm tin theo Đảng, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh

vực của đời sống xã hội. Từ một tỉnh nghèo, kinh tế chậm phát triển, tỉnh Thái Nguyên đã vươn lên trở thành tỉnh có bước phát triển nhanh trong khu vực và cả nước. Trong giai đoạn 2015 - 2020, kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng; các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh và bứt phá ở khu vực công nghiệp; môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư nâng cấp. Năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (theo giá hiện hành) đạt 116 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,1% tổng quy mô GRDP của vùng trung du miền núi phía Bắc; thu ngân sách đạt gần 16.000 tỷ đồng, tăng gấp 2,1 lần so với năm 2015.

#### *1.1.4.2. Về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật*

Thái Nguyên là “cửa ngõ” giao lưu KT-XH giữa vùng trung du miền núi phía Bắc với vùng đồng bằng Bắc bộ, là cái nôi của nền công nghiệp, là một trong 3 trung tâm giáo dục, đào tạo lớn nhất cả nước... Từ trước năm 2009, tỉnh Thái Nguyên đã tập trung phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, coi đó là bước đột phá, là tiền đề trọng yếu để Thái Nguyên thu hút đầu tư, phát triển KT-XH.

Thực tế đã chứng minh, sau khi nâng cấp, xây dựng mới nhiều tuyến giao thông, cùng các chính sách thu hút đầu tư thông thoáng, minh bạch đã tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư của Thái Nguyên, đưa địa phương trở thành điểm sáng của khu vực trung du, miền núi phía Bắc với tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, cũng như việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thuộc top đầu các tỉnh thành Việt Nam...

Khởi nguồn là phong trào hiến đất làm đường giao thông nông thôn đã diễn ra rộng khắp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ 10 năm trước đây. Đảng bộ, chính quyền đồng hành cùng nhân dân đã thực hiện thành công cuộc vận

động phát triển giao thông, tăng cường giao thương, tạo động lực đánh thức tiềm năng của các địa phương. Điều này đã tạo tiền đề cho xây dựng nông thôn mới thành công bước đầu và mở ra hướng đi mới có tầm nhìn xa hơn.

Đặc biệt, để thu hút đầu tư mạnh, phát triển kinh tế xã hội nhanh chóng đưa Thái Nguyên từ tỉnh trung du miền núi thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, điều tiên quyết các nhà lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên đã nghĩ tới và tổ chức hành động đó là phải khẩn trương cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây mới hệ thống đường giao thông trọng yếu đi qua “vùng kinh tế công nghiệp sôi động”. Vì thế, sau khi vận động xây dựng xong Quốc lộ 3 mới (Cao tốc Hà Nội-Thái Nguyên); nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 3 cũ; xây dựng tuyến mới Thái Nguyên-Chợ Mới (Bắc Kạn)... đã thúc đẩy các huyện, thành, thị của tỉnh Thái Nguyên có điều kiện phát triển KTXH nhanh và bền vững.

Để tạo thành “vùng kinh tế công nghiệp sôi động” ở các huyện, thành, thị phía nam của Thái Nguyên, điều kiện tiên quyết để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại Sông Công, Phổ Yên, Phú Bình là mặt bằng và hệ thống đường giao thông thuận lợi, thông thoáng, kết nối khoa học có tầm nhìn xa... Chính vì thế, trong nhiều năm qua, tỉnh Thái Nguyên đã tập trung nhiều nguồn vốn, rót hàng trăm, hàng nghìn tỷ cho xây dựng, cải tạo hệ thống giao thông. Đặc biệt các tuyến đường huyết mạch có vai trò kết nối các trung tâm vùng luôn được ưu tiên đầu tư và gấp rút triển khai thực hiện như các dự án: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh ĐT261 đoạn từ Km46+200 - Km49+982 và cầu Dẽo tại lý trình Km45+136; Xây dựng, tạo cảnh quan đất xen kẹp giữa đường gom QL 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) với đường Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) thuộc Dự án Đường gom QL 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường tỉnh ĐT 266 (KCN Diềm Thụy); đường nối QL3 mới (HN-TN) - Khu công nghiệp Yên Bình (đoạn từ Km3+519 - Km5+434,18) và Đường ĐT261 (giai đoạn 1); Mở

rộng Khu TĐC Tân Hoa: phục vụ GPMB đường vành đai V và đặc biệt là dự án đường vành đai 5 Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn tuyến đi trung đại lộ Đông – Tây, khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt Sông Cầu). Tất cả các tuyến đường này đều tạo sự kết nối giữa trục công nghiệp Sam sung Phố Yên, Khu công nghiệp Diêm Thụy (Phú Bình) với các xã, thị trấn, vùng tiềm năng bên kia Sông Cầu thuộc địa phận huyện Phú Bình để giảm tải cho khu công nghiệp Yên Bình.

Trong việc hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tỉnh Thái Nguyên xác định công tác quy hoạch luôn luôn phải đi trước một bước để thu hút đầu tư. Đến nay, tỉnh có 4 quy hoạch lớn do đơn vị tư vấn nước ngoài xây dựng được phê duyệt, gồm: Quy hoạch vùng du lịch quốc gia hồ Núi Cốc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phân khu Khu đô thị phía Tây thành phố Thái Nguyên và Trung tâm Hành chính tỉnh Thái Nguyên; Quy hoạch Dự án Tổ hợp công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ Yên Bình; Quy hoạch phân khu Khu đô thị mới Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên. Ngoài ra, có một quy hoạch mang tính đột phá đã được điều chỉnh là Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên đến năm 2035, định hướng đến năm 2050. Bên cạnh đó, một số quy hoạch đang được tích cực triển khai, như Quy hoạch xây dựng các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch các khu dân cư, đô thị trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch xây dựng 5 cửa ô vào tỉnh; đồng thời, đang xây dựng, điều chỉnh một số quy hoạch, như điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên đến năm 2035; xây dựng Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030...

Về công tác giải phóng mặt bằng, trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo tập trung cao độ cho công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, làm tiền đề cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thành lập, kiện toàn và phát huy hiệu quả

hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng cấp huyện. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 13/CTUBND, ngày 28-5-2012, về tập trung chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình, dự án, đặc biệt là các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh; từ đó, tạo bước đột phá mới, với khối lượng thực hiện lớn về thu hồi đất, chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tiền di dân tái định cư. Đặc biệt, với sự chỉ đạo quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ, đồng thuận cao của nhân dân trong tỉnh, việc giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Yên Bình phục vụ Dự án Tổ hợp công nghệ cao Samsung Thái Nguyên với hàng trăm héc-ta cơ bản bảo đảm đúng tiến độ. Đây là dự án có thời gian giải phóng mặt bằng nhanh nhất trên địa bàn tỉnh tính đến thời điểm hiện nay.

#### *1.1.3.3. Về yếu tố con người*

Tổng số dân của tỉnh Thái Nguyên tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 1.286.751 người. Trong đó, dân số nam là 629.197 người, chiếm 48,9%; dân số nữ là 657.554 người, chiếm 51,1%. Dân số thành thị là 410.159 người, chiếm 31,9% tổng dân số; dân số khu vực nông thôn là 876.592 người, chiếm 68,1%. Như vậy, Thái Nguyên là tỉnh đông dân đứng thứ 27 toàn quốc về quy mô dân số. So với năm 2009, vị trí xếp hạng về quy mô dân số của Thái Nguyên trong cả nước tăng lên 6 bậc (từ xếp thứ 33 toàn quốc năm 2009 lên xếp thứ 27 năm 2019).

Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm giai đoạn 2009-2019 đạt 1,36%/năm (trong đó, khu vực thành thị tăng bình quân 3,56%/năm và khu vực nông thôn tăng 0,48%/năm), tốc độ tăng bình quân giai đoạn 10 năm qua cao hơn so với tốc độ tăng bình quân của 10 năm trước (tỷ lệ tăng dân số bình

quân năm giai đoạn 1999-2009 là 0,71%/năm) và cao hơn so với mức tăng 1,14%/năm của bình quân chung của cả nước.

Sở dĩ tỉnh Thái Nguyên có tốc độ tăng dân số cao hơn bình quân chung cả nước và cao hơn giai đoạn 10 năm trước chủ yếu là do có sự di chuyển từ các tỉnh khác đến nhập cư vào Thái Nguyên để tham gia lao động làm việc trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, trong đó tăng đột biến ở các năm 2014 và 2015 khi trên địa bàn có các dự án đầu tư nước ngoài sản xuất các sản phẩm điện tử, viễn thông tăng năng lực và đi vào sản xuất.

Do chỉ số giá tiêu dùng năm 2019 tăng 2,68% so với bình quân cùng kỳ; sản xuất công nghiệp tăng cao, sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh chăn nuôi phát sinh nhưng đã có sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền địa phương, sự quan tâm hỗ trợ, đền bù thiệt hại từ nguồn ngân sách góp phần giảm bớt khó khăn cho người chăn nuôi. Trên địa bàn không xảy ra tình trạng thiếu đói do thiên tai hoặc tháng giáp hạt.

Trong khu vực làm công, ăn lương thu nhập ổn định, trong đó thu nhập bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp đạt khoảng 8-9 triệu đồng/tháng/1 lao động. Sức mua tiêu dùng xã hội thể hiện qua chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trên 10% so cùng kỳ... Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư phát triển, đặc biệt là các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao mức sống, ổn định đời sống dân cư.

## **1.2. Chủ trương của Đảng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam**

### **1.2.1. Chủ trương của Đảng**

Trong quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới, vốn đầu tư cho phát triển là một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công hay thất bại của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, mục tiêu đặt ra là thực hiện thành công sự

nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do đó, việc thu hút vốn đầu tư trở thành chiến lược quan trọng của đất nước.

Bước vào thời kỳ đổi mới, nhận thức được vị trí, vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với sự phát triển của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán chính sách phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần. Đó là:

Ngay từ khi quá trình đổi mới đất nước được khởi xướng, tại Đại hội VI (năm 1986) để ổn định và phát triển sản xuất, song hành với việc thực hiện đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, lần đầu tiên Đảng chủ trương: “Có chính sách thu hút tư bản nước ngoài đầu tư vào nước ta, trước hết vào lĩnh vực sản xuất, dưới nhiều hình thức”<sup>1</sup>, đồng thời “Cho phép ngân hàng nước ngoài vào hoạt động theo luật pháp của Việt Nam”<sup>2</sup>. Cùng với đó, trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1986 - 1990, trong chính sách đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Đảng nhấn mạnh: “Chúng ta hoan nghênh-những tổ chức kinh tế của nước ngoài quan hệ trực tiếp với các tổ chức kinh tế Việt Nam để mở rộng quy mô hợp tác, thỏa mãn lợi ích của cả hai bên, theo chính sách và luật pháp của Nhà nước ta”<sup>3</sup>. Như vậy, ngay từ những năm đầu của thời kỳ đổi mới, Đảng đã nhanh chóng đưa ra các chính sách phù hợp để thu hút và tạo điều kiện cho kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động ở nước ta, không chỉ trong lĩnh vực sản xuất mà cả trong các lĩnh vực dịch vụ quan trọng, thiết yếu phục vụ nền kinh tế nước nhà.

<sup>1</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr.36

<sup>2</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr.40

<sup>3</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr.65

Tiếp tục theo đuổi các chính sách đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 được thông qua tại Đại hội VII (năm 1991), Đảng đã đề ra các chính sách để mở rộng thu hút đầu tư nước ngoài trong từng lĩnh vực cụ thể: Đối với công nghiệp chế biến, Đảng chủ trương: "... hợp tác, liên doanh với nước ngoài để hiện đại hóa công nghệ, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm"<sup>4</sup>, đồng thời xác định: "Mở rộng các hình thức liên doanh, hợp tác với nước ngoài làm hàng xuất khẩu là một hướng ưu tiên để phát triển và hiện đại hóa các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng"<sup>5</sup>. Đối với công nghiệp khai thác, Đảng khẳng định: "Xúc tiến mạnh việc hợp tác và liên doanh với nước ngoài thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí"<sup>6</sup>, kết hợp với việc "Hợp tác với nước ngoài về khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến than có kỹ thuật cao để ổn định và phát triển sản xuất than đáp ứng nhu cầu nhiên liệu, chất đốt sinh hoạt và đẩy mạnh xuất khẩu. Cùng với đó là những chủ trương mở rộng hợp tác với nước ngoài trong việc phát triển các ngành xây dựng, cơ khí..."<sup>7</sup>.

Đặc biệt, để tạo môi trường cạnh tranh hợp pháp giữa các thành phần kinh tế, nhất là giữa kinh tế trong nước với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Đảng chủ trương: Tạo môi trường và điều kiện cho sự cạnh tranh hợp pháp và sự hợp tác, liên doanh tự nguyện, bình đẳng giữa các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và với nước ngoài. Đáng chú ý, để tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, Đảng đã ban hành chính sách "Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào nước ta đầu tư, hợp tác kinh doanh. Xây dựng thể chế đồng bộ, ổn định, thuận tiện và tổ

<sup>4</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.45

<sup>5</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr.76

<sup>6</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr.83

<sup>7</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr.84



chức thực hiện nghiêm chỉnh; thống nhất đầu mối giải quyết các thủ tục và yêu cầu đầu tư của nước ngoài... Tổ chức tốt thông tin kinh tế và chủ động chuẩn bị các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài”<sup>8</sup>.

Trên cơ sở tổng kết 10 năm đầu thời kỳ Đổi mới, Đại hội VIII (năm 1996) trong phần khái quát về những thành tựu và kết quả đạt được của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Đảng nhận định: “Đến cuối năm 1995, tổng vốn đăng ký của các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỷ USD..., đầu tư trực tiếp của nước ngoài chiếm 27% tổng nguồn vốn đầu tư trong toàn xã hội... Tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm qua tăng bình quân hằng năm 50%”<sup>9</sup>. Tuy nhiên, tại Đại hội này lần đầu tiên Đảng đã nhận định về những bất cập, hạn chế sau 10 năm thực hiện các chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó đáng chú ý là nhận định: Việc quản lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài có nhiều sơ hở. Từ đó, Đảng chủ trương: “Việc sử dụng vốn vay và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải theo quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành và vùng lãnh thổ, bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra”<sup>10</sup>. Đặc biệt, lần đầu tiên Đảng đưa ra quan điểm, cần phải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp hợp tác, liên doanh.

Đại hội IX (năm 2001) đã tổng kết, trong thời gian qua chúng ta đã có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Từ đó, Đại hội nhấn mạnh cần phải tiếp tục: Tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc

<sup>8</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd, tr.123

<sup>9</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.28

<sup>10</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd, tr.65

làm. Như vậy, quan điểm của Đảng không những tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển, qua đó giúp nhà đầu tư nước ngoài sử dụng đồng vốn hiệu quả tại Việt Nam, mà còn khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động Việt Nam.

Một điểm đáng chú ý trong chính sách của Đảng đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lần này là lần đầu tiên Đảng khẳng định: “Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, hàng hóa và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng”<sup>11</sup>. Bên cạnh đó, Đảng cũng tiếp tục chỉ ra những hạn chế, tồn tại của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm; công tác quản lý, điều hành còn nhiều vướng mắc và thiếu sót. Từ đó, Đảng xác định phải: “Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”<sup>12</sup>.

Kế thừa quan điểm của các kỳ đại hội trước, Đại hội X (năm 2006) nhận định: “Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, chiếm 15,9% GDP, là cầu nối quan trọng với thế giới về chuyển giao công nghệ, giao thương quốc tế. Vốn FDI có bước chuyển tích cực, tổng mức vốn đăng ký đạt gần 20 tỷ USD, vượt trên 33% so với kế hoạch; tổng vốn thực hiện khoảng 14,3 tỷ USD, vượt 30% so với kế hoạch và tăng 13,6% so với 5 năm trước. Năm 2005, các doanh nghiệp FDI đóng góp 15,9% GDP, chiếm trên 33% tổng kim ngạch xuất khẩu (chiếm khoảng 50% nếu kể cả dầu

<sup>11</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.26

<sup>12</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.35

khí), đóng góp trên 10% tổng thu ngân sách nhà nước (ước tính cả dầu khí thì gần 34%), tạo việc làm cho khoảng 90 vạn lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp...”<sup>13</sup>. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng tiếp tục chỉ ra những hạn chế, tồn tại, đó là kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của Việt Nam, việc thu hút đầu tư nước ngoài còn kém so với một số nước trong khu vực. Từ đó, Đảng đề ra mục tiêu: Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phấn đấu đạt trên 1/3 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm. Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI...

Văn kiện Đại hội XI (năm 2011) nhận định: mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao. Từ đó Đảng chủ trương: Tiếp tục thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao. Thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước.

Gần đây, Đại hội XII (2016) đã nhận định: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động chủ yếu trong các ngành sử dụng nhiều lao động, khai thác tài nguyên và còn hạn chế trong chuyển giao công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến. Do vậy, cần phải: “Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài..., tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và

<sup>13</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.152-153

công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu”<sup>14</sup>.

Đáng chú ý, trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Đảng khẳng định cần phải: “Rà soát, sửa đổi pháp luật, chính sách để thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa cao, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng nhiều lao động... Khuyến khích thành lập các trung tâm nghiên cứu triển khai của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam”<sup>15</sup>.

Đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng (2021), đối với sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với các khu vực kinh tế khác. Theo đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được Đảng và Nhà nước ta coi là một trong động lực quan trọng để phát triển kinh tế, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu. Quan điểm này tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: “Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu”<sup>16</sup>.

<sup>14</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.108

<sup>15</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.292-293

<sup>16</sup> ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.130

Tóm lại, ngay từ khi quá trình đổi mới đất nước được khởi xướng, Đảng ta đã nhận thấy sự cần thiết và vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với sự phát triển của Việt Nam. Quan điểm đó được thể hiện nhất quán trong suốt hơn 30 năm đổi mới vừa qua, cùng với đó là những chủ trương, chính sách để thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển ở Việt Nam. Và thực tế cho thấy, sau hơn 30 năm mở cửa thu hút đầu tư, nguồn vốn FDI đã và vẫn đang đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Sự tăng trưởng của nguồn vốn đầu tư nước ngoài không chỉ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho Việt Nam đẩy nhanh thời gian mở rộng thị trường quốc tế, mà ngày càng cải tiến hơn về nhiều mặt trong hoạt động kinh doanh (chuyên môn, công nghệ, kỹ thuật...), giảm gánh nặng về vốn cho nhiều dự án lớn. Bên cạnh đó, việc thu hút và sử dụng nguồn vốn nước ngoài còn góp phần tác động thúc đẩy chuyển dịch, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành, sản phẩm, dịch vụ; thúc đẩy cải cách thể chế, chính sách pháp luật, môi trường kinh doanh, phát triển nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và hội nhập.

### ***1.2.2. Chủ trương của tỉnh Thái Nguyên***

Thái Nguyên là tỉnh nằm ở cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội, là trung tâm của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn thứ 3 trong cả nước, là trung tâm y tế vùng với hệ thống các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng. Thái Nguyên còn được thiên nhiên ban tặng nhiều phong cảnh đẹp, các hồ nước lớn, hàng loạt di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, nghệ thuật, lễ hội và có các điểm du lịch hấp dẫn.

Nhằm thu hút đầu tư, tỉnh Thái Nguyên đã tập trung cải cách thủ tục hành chính, tập trung nguồn lực đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông; chỉ đạo quyết liệt trong việc thực hiện các giải pháp cải

thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính. Năm 2015, Chỉ số PCI của tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 7/63 tỉnh thành.

Trước năm 2011 số dự án FDI của Thái Nguyên là 25 dự án, với tổng số vốn đầu tư đăng ký khoảng 255 triệu USD, năm 2015 trên địa bàn tỉnh đã có 103 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký trên 7,1 tỷ USD. Trong số này phải kể đến dự án của Tập đoàn Samsung đầu tư tại Khu công nghiệp Yên Bình, với số vốn đăng ký của Tập đoàn khoảng 6,38 tỷ USD. Tính đến hết năm 2015, trên địa bàn tỉnh có gần 700 dự án đầu tư trong nước và nước ngoài, với số vốn đăng ký khoảng 15 tỷ USD. Hiện nay, có 07 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh Thái Nguyên gồm: Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Đài Loan, Malaysia, Đức và Nhật Bản. Trong đó các nhà đầu tư Hàn Quốc chiếm tỷ trọng cao nhất kể cả về số lượng nhà đầu tư lẫn tổng vốn đầu tư đăng ký. Để có những kết quả như vậy, Đảng bộ, UBND tỉnh Thái Nguyên đã có những chủ trương nhằm thu hút các nhà đầu tư như:

Thực hiện công tác quy hoạch theo ngành, lĩnh vực và địa bàn nhằm góp phần định hướng thu hút đầu tư vào các địa bàn, lĩnh vực phù hợp với tiềm năng, lợi thế phát triển và đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

Định hướng thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư trên địa bàn, theo đó khuyến khích thu hút đầu tư gắn với quy hoạch và chủ trương chuyển dịch, tái cơ cấu kinh tế; tập trung vào các tập đoàn kinh tế lớn, có công nghệ hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

Triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư theo quy định. Tỉnh tập trung vào những giải pháp mang tính hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư.

Gắn thu hút đầu tư với cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt cơ chế “một cửa liên thông” trong thực hiện các thủ tục đầu tư nhằm từng bước cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, thân thiện và minh bạch.

Thường xuyên đối thoại với nhà đầu tư nhằm kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Khuyến khích thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp.

Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật kết nối: đường giao thông, cấp thoát nước, cung cấp điện ổn định và hệ thống thông tin liên lạc hỗ trợ cho nhà đầu tư.

Tăng đầu tư cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khuyến khích, hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên đào tạo đội ngũ nhân lực phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, đào tạo lao động cung cấp cho các KCN, cụm công nghiệp, đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn.

Xây dựng và phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật lành nghề trình độ cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm mũi nhọn, lợi thế của tỉnh.

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN (2015-2020)

#### 2.1. Chính sách của tỉnh Thái Nguyên trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút đầu tư, mời gọi đầu tư là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là giải pháp quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên đã quan tâm chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, làm cho môi trường đầu tư hấp dẫn, cung cấp thông tin, quảng bá tiềm năng và mời gọi các nhà đầu tư vào đầu tư các dự án trên địa bàn. Do làm tốt công tác thu hút đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp nên Thái Nguyên đã có được những thành công bước đầu. Tính đến năm 2020, toàn tỉnh có 869 dự án, trong đó Dự án đầu tư trong nước là 740, với số vốn: 146 nghìn tỷ đồng; Dự án đầu tư nước ngoài (FDI): 129 dự án, với tổng số vốn đăng ký trên 7,3 tỷ USD, tương đương 158 nghìn tỷ đồng; Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn: hơn 6.000 doanh nghiệp, trong đó có gần 6.000 doanh nghiệp trong nước với số vốn đăng ký 78.117 tỷ đồng; trên 120 doanh nghiệp nước ngoài (FDI) với tổng số vốn đăng ký trên 10.800 tỷ đồng. Rất nhiều các nhà đầu tư lớn, có uy tín, kinh nghiệm trong và ngoài nước đã có mặt đầu tư kinh doanh, tìm hiểu cơ hội đầu tư, hợp tác tại tỉnh Thái Nguyên như: Tập đoàn Samsung; Công ty CP Tập đoàn Vingroup; Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường, Mani... Để có được những thành công như vậy, đóng góp không nhỏ chính là sự quan tâm, chủ trương, chính sách kịp thời trong việc khuyến khích đầu tư nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên. Có thể kể đến như:



### **2.1.1. Chính sách khuyến khích, xúc tiến đầu tư**

Các chính sách khuyến khích đầu tư đã được thực hiện tại Thái Nguyên trong thời gian vừa qua như sau:

Thứ nhất, giảm thời gian cấp phép đầu tư: Đối với các dự án đầu tư nước ngoài việc Đăng ký cấp Giấy phép đầu tư (GPĐT) trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và thẩm định dự án cấp GPĐT trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Thứ hai, công khai hóa quá trình cấp phép đầu tư, thực hiện triển khai Giấy phép đầu tư theo cơ chế “Một cửa, một đầu mối”. Công khai hoá, quy trình thành lập doanh nghiệp, Đăng ký kinh doanh, ưu đãi đầu tư và đầu mối từng cơ quan giúp Doanh nghiệp tại các cơ quan Đăng ký kinh doanh từ cấp tỉnh đến huyện, thành phố, thị xã. Công khai hoá quy định, vị trí địa lý, địa điểm, quy mô các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công trình khác dự định hoặc đã đầu tư kèm theo giá thuê đất ổn định 10 năm; quy định thủ tục cấp đất, thuê, giao đất và giải phóng mặt bằng đối với các nhà đầu tư. Công khai hoá các cơ chế chính sách và các lĩnh vực khuyến khích, ưu đãi đầu tư trong từng thời kỳ.

Thứ ba, nhà đầu tư được cung cấp những thông tin về tình hình kinh tế xã hội của địa phương, các chương trình định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm, 10 năm của tỉnh, được các cơ quan liên quan của tỉnh tư vấn về đầu tư tại địa bàn. Nhà đầu tư được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin về tình hình các doanh nghiệp trên địa bàn, các quy định về ngành nghề kinh doanh, điều kiện kinh doanh. Theo nhu cầu của nhà đầu tư, UBND tỉnh tổ chức giao lưu thương mại, hội nghị, hội thảo, tham quan nhằm mở rộng thị trường, tìm kiếm cơ hội phát triển kinh tế phát triển địa phương.

Thái Nguyên đã đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến đầu tư thông qua nhiều hình thức hoạt động, như quảng bá, giới thiệu đầu tư, khảo sát, giới thiệu địa điểm đầu tư, lập và giới thiệu các dự án, tiếp xúc trực tiếp, tổ chức

hội thảo thu hút đầu tư theo chuyên đề, lĩnh vực ở trong nước và nước ngoài; đồng thời đẩy mạnh hoạt động tư vấn, trợ giúp, hỗ trợ DN nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hợp tác ĐT. Hoạt động thu hút và xúc tiến đầu tư của tỉnh ngày càng được chú trọng và trở nên chuyên nghiệp. Trong thời gian qua, tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp; các chương trình xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh, tiềm năng của tỉnh; hội nghị xúc tiến đầu tư, tiếp xúc giữa lãnh đạo tỉnh với đại diện một số quốc gia có quan hệ hợp tác lâu dài với Việt Nam cũng như với tỉnh Thái nguyên. Đặc biệt, có hàng trăm nhà đầu tư nước ngoài thuộc các quốc gia, như Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đức, Nhật Bản, Anh, Indonesia, Phần Lan, Canada, Ấn Độ... đã tiếp xúc với lãnh đạo tỉnh và nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư vào tỉnh. Ngoài ra, tỉnh rất chú trọng thu hút các dự án đầu tư vào xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch sinh thái, lĩnh vực công nghệ cao, dịch vụ, chế biến sâu khoáng sản...

### ***2.1.2. Chính sách hỗ trợ, đào tạo người lao động***

Trong giai đoạn nghiên cứu, có thể thấy rằng, thực hiện chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, các sở, ban, ngành trong tỉnh tiến hành rà soát, lập quy hoạch ngành, lĩnh vực quan trọng phục vụ cho việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, trong đó tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, địa phương và các nhà khoa học cho các vấn đề, như Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2020; xây dựng quy hoạch phát triển ngành Công thương tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2020; xây dựng Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27-11-2009, của Thủ tướng Chính phủ, về “Phê duyệt Đề án: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và Quyết định số 579/QĐ-TTg, ngày 19-4-2011, của Thủ tướng Chính

phủ, về “Phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020”; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trợ giúp, đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Thái Nguyên.

Nhằm nâng cao trình độ năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức để lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2011 - 2015, trong đó tiếp tục tập trung vào tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, kỹ năng hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo đúng kế hoạch của tỉnh đã đề ra; chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên. Ngoài ra, tỉnh còn thường xuyên tổ chức và cử cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; tổ chức các đoàn cán bộ đi tham quan, học tập kinh nghiệm về thu hút đầu tư tại một số địa phương trong nước và nước ngoài.

### ***2.1.3. Chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường***

Thực hiện Nghị quyết số 39/2006/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, ngày 15/12/2006 về phê chuẩn Đề án BVMT, ngày 24/01/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định số 185/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án “Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai đoạn 2007-2010” và đề án “Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015” và nhiều văn bản chỉ đạo về tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường (BVMT) cho các ngành, các cấp; cải cách thủ tục hành chính; quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí BVMT đối với chất thải rắn; phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường; chỉ đạo các ngành xây dựng quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ BVMT đã nâng

cao trách nhiệm và sự phối hợp thống nhất của các cấp, các ngành trong công tác BVMT...

Nhằm bảo vệ môi trường bền vững, các doanh nghiệp FDI trước khi đi vào hoạt động phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá môi trường được phê duyệt, như: Xây dựng các công trình xử lý nước thải để xử lý nước thải trước khi thải vào hệ thống nước thải của KCN; xây dựng hệ thống xử lý khí thải; báo cáo với cơ quan phê duyệt kiểm tra và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường... Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015 số 19/KH-BQL, ngày 09/01/2015 để nhằm cụ thể hóa các nội dung trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp. Trên cơ sở kế hoạch, Ban đã thường xuyên đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

#### ***2.1.4. Chính sách cải cách hành chính***

Phục vụ cho hoạt động thu hút đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh, Thái Nguyên đã thực hiện cải cách hành chính trên các lĩnh vực: Hoàn thiện các quy định pháp lý, xây dựng các cơ chế chính sách về đầu tư của tỉnh; Hoàn thiện các thủ tục hành chính đồng bộ ở các ngành, các cấp; Tăng cường hiệu quả hoạt động một cửa, một cửa liên thông.

Thời gian qua, công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm phục vụ việc thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh được thực hiện khá đồng bộ và đạt kết quả đáng khích lệ. Đến nay, có nhiều cơ chế, chính sách, quy định, quy trình, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các thủ tục đầu tư được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa và ban hành, như Quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định về cơ chế hỗ trợ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

rà soát, chỉnh sửa Quy định về công tác quản lý dự án đầu tư và xây dựng sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; chỉnh sửa Quy định về cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (từ 45 ngày xuống còn 25 ngày); Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên... Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các hội doanh nghiệp và các doanh nghiệp trên địa bàn tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, góp phần xây dựng bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh thành chính quyền thân thiện và đồng hành cùng doanh nghiệp, cùng doanh nghiệp đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2.2. Kết quả thu hút FDI vào Thái Nguyên giai đoạn 2015 – 2020**

### **2.2.1. Theo hình thức đầu tư và theo đối tác**

*Theo hình thức đầu tư:*

Trong giai đoạn 2015- 2020, dự án FDI vào tỉnh Thái Nguyên chỉ có 2 dạng là dự án liên doanh hoặc là dự án 100% vốn nước ngoài. Các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh như BOT, BTO, BT,.. đều chưa xuất hiện. Đây cũng là thực trạng chung của một số tỉnh thành trong cả nước.

*Theo đối tác:*

Giai đoạn 2015- 2020, Thái Nguyên có 4 đối tác đầu tư nước ngoài lớn là Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc, Đài Loan. Cả 4 đối tác này đều là các quốc gia đến từ Đông Á và là các đối tác đầu tư quen thuộc của Việt Nam. Cũng giống như xét trên toàn lãnh thổ Việt Nam, Hàn Quốc hiện là đối tác đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất của Thái Nguyên với tỷ trọng cả về số dự án lẫn lượng vốn đăng ký đều vượt trội so với các quốc gia còn lại.

**Bảng 2.1: Cơ cấu FDI Thái Nguyên theo đối tác giai đoạn 2015-2020**

Stt	Đối tác	Số dự án đầu tư đăng ký	Vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)
1	Hàn Quốc	71	321,98
2	Đài Loan	15	18,9
3	Nhật Bản	14	7,18
4	Trung Quốc	10	5,28
5	Singapore	1	7,48
6	Đức	1	5,3

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên*

Nhìn bảng số liệu trên, chúng ta thấy Hàn Quốc có tổng cộng 71 dự án và số vốn lên tới 321,98 triệu USD, gấp 10 lần vốn đăng ký của cả 3 đối tác còn lại. Hàn Quốc cũng là quốc gia có quy mô bình quân 1 dự án lớn nhất và là chủ nhân của dự án FDI lớn nhất giai đoạn: Dự án của Công ty cổ phần Thái Nguyên - Korea kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và khu đô thị dịch vụ với số vốn 43,10 triệu USD, được cấp phép năm 2019. Hàn Quốc cũng hiện là đối tác hàng đầu của Việt Nam, đứng đầu danh sách 4 quốc gia đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam là Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và Nhật Bản. Xếp thứ 2 sau Hàn Quốc là Đài Loan có 15 dự án vào Thái Nguyên trong giai đoạn 2015- 2020, với tổng số vốn đầu tư là 18,90 triệu USD. Xếp thứ 3 là Nhật Bản với 14 dự án và sau cùng là Trung Quốc chỉ có 10 dự án.

### 2.2.2. Theo địa bàn đầu tư

Xét theo địa bàn đầu tư, cơ cấu FDI của Thái Nguyên là khá mất cân đối.

**Bảng 2.2. Cơ cấu FDI Thái Nguyên theo địa bàn giai đoạn 2015-2020**

STT	Địa bàn	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
1	TP. Thái Nguyên	65	219,05
2	Huyện khác	45	134,29

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên*

Qua bảng 2.2, ta thấy thành phố Thái Nguyên chiếm đa số về số dự án cũng như là số vốn đăng ký: Có 65 dự án, chiếm hơn một nửa tổng số dự án và vốn đăng ký là 219,05 triệu USD, cũng chiếm hơn một nửa. Kế theo đó là huyện khác với 45 dự án, với 134,29 triệu USD.

### 2.2.3. Theo ngành, lĩnh vực

Bên cạnh các nguồn vốn trong nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong những nguồn vốn quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Thời gian qua, nguồn vốn này đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tính đến thời điểm hiện tại, Thái Nguyên được đánh giá là một trong những địa phương thu hút FDI lớn và hiệu quả nhất trong số các tỉnh miền núi phía Bắc. Trong giai đoạn 2015-2020, đã có 82 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư, với tổng số vốn đầu tư đăng ký mới lên đến 947,68 triệu USD.

**Bảng 2.3. Cơ cấu FDI Thái Nguyên theo ngành, lĩnh vực giai đoạn 2015-2020**

Stt	Lĩnh vực đầu tư	Số dự án	Vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	67	906,6
2	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy, ...	2	0,85
3	Cấp nước và xử lý chất thải	1	7,1
4	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2	0,19
5	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1	16
6	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	1	12,9
7	Thông tin và truyền thông	1	1,33
8	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	6	0,7
9	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1	2,04

*Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên*

Số liệu cho thấy, lĩnh vực đầu tư nước ngoài chủ yếu tại tỉnh Thái Nguyên đó là công nghiệp chế biến, chế tạo với 67 dự án và số vốn đăng ký 906,6 triệu USD. Đáng chú ý, việc thu hút FDI của Thái Nguyên mới chỉ thực sự tăng mạnh trong những năm gần đây với đóng góp không nhỏ của tổ hợp công nghệ cao Samsung. Năm 2013 tập đoàn điện tử Samsung đã tổ chức khởi công xây dựng dự án Tổ hợp công nghệ cao tại Thái Nguyên trị giá 2 tỉ đô la Mỹ với ngành nghề sản xuất là sản xuất, lắp ráp điện thoại di động và các sản phẩm công nghệ cao, công suất thiết kế đạt khoảng 100 triệu sản phẩm mỗi năm. Dự án Samsung đã trở thành dự án hàng tỷ USD đầu tiên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tiên độ giải phóng mặt bằng và thời gian thi công



nhanh, diện tích đầu tư rộng với quy mô khoảng 200 ha. Sau một năm triển khai đầu tư, đến đầu năm 2014, nhà máy đầu tiên của dự án, chuyên sản xuất thiết bị điện thoại di động và các linh kiện cho điện thoại di động đã đi vào các công đoạn sản xuất thử và sản xuất hoàn thiện, thu hút số lượng lớn lao động và tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp tăng đột biến so với giai đoạn trước đó. Năm 2015 tập đoàn Samsung tiếp tục đầu tư dự án Tổ hợp công nghệ cao Samsung Thái Nguyên giai đoạn 2 với vốn đăng ký 3 tỷ USD...

Hiện nay các dự án Khu tổ hợp sản xuất của Samsung tại Thái Nguyên đang đi vào sản xuất ổn định và phát triển. Sau Samsung, hàng loạt các dự án đầu tư trong và ngoài nước đăng ký đầu tư tại Thái Nguyên. Đến nay có hàng chục dự án đã và đang đi vào hoạt động. Nhiều dự án án đầu tư khác đang được xúc tiến đầu tư. Các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã có tác động mạnh mẽ đến kinh tế, xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Các dự án của Tập đoàn Samsung góp phần để tỉnh Thái Nguyên đã có bước tiến vượt bậc và là điểm sáng về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Nếu như cuối năm 2012, Thái Nguyên đứng ở vị trí 44/63 tỉnh, thành phố thu hút FDI trong cả nước, thì đến năm 2014, Thái Nguyên là tỉnh đứng đầu cả nước thu hút FDI. Cùng với sự có mặt của Samsung đến nay đã có nhiều nhà đầu tư đến từ Hàn Quốc về đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Những dự án đầu tư này đã trực tiếp trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị của Samsung, những công ty này đã tham gia sản xuất các phụ kiện để tạo ra những sản phẩm điện tử thông minh hoàn thiện như điện thoại, máy tính... mang nhãn hiệu Samsung xuất xứ tại Thái Nguyên xuất khẩu đến thị trường các nước trên thế giới.

Đi liền với các doanh nghiệp phụ trợ đến từ Hàn Quốc, hàng loạt các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trong nước và trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cũng đã trở thành mắt xích phục vụ cho dự án Samsung, như các doanh

ngành cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp, dịch vụ an ninh, cung cấp thực phẩm, cung cấp vật liệu xây dựng... Do số lao động làm việc trong chuỗi giá trị của Samsung lớn vào khoảng 100 nghìn người, trong đó trực tiếp làm việc cho Samsung là gần 70 nghìn người nên nhu cầu nhà ở xã hội, nhu cầu tiêu dùng đã tăng mạnh. Vì vậy các dự án phát triển khu dân cư, khu đô thị, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, hệ thống khách sạn, nhà hàng đã phát triển hơn. Ngoài ra, hiện nay các nhà đầu tư trong nước và quốc tế đang quan tâm thực hiện đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp. Thái Nguyên đang phối hợp với các nhà đầu tư phát triển các khu đô thị văn minh, hiện đại nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Việc Samsung đầu tư hàng tỷ đô la vào KCN Yên Bình (năm 2013) còn tạo hiệu ứng, tác động lan tỏa với hàng trăm dự án tiếp tục đầu tư vào Thái Nguyên. Điển hình như dự án Khu Du lịch Quốc gia hồ Núi Cốc, dự án đô thị hai bên Sông Cầu và các dự án FDI phụ trợ cho Samsung đầu tư vào KCN. Các dự án FDI đã góp phần đưa Thái Nguyên từ một tỉnh chủ yếu trông chờ vào công nghiệp luyện kim, khai khoáng đã dịch chuyển sang công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ.

Bên cạnh đó, việc thu hút đầu tư FDI vào ngành du lịch của tỉnh còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, cũng đã tạo được sự phát triển cho ngành du lịch của địa phương và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tiến bộ. Các kênh huy động vốn từng bước được đa dạng hóa. Trong những năm trước đây nguồn vốn đầu tư cho ngành du lịch chủ yếu là từ ngân sách và các doanh nghiệp nhà nước trong ngành, thì đến nay việc huy động vốn qua kênh tín dụng, doanh nghiệp tư nhân, cá nhân trong và ngoài tỉnh, nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài ngày càng chiếm tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong đầu tư phát triển du lịch ở địa phương.

Ngoài ra, để đạt được những kết quả về thu hút đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Thái Nguyên như đã phân tích ở trên, trong thời gian qua, tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều cố gắng cải thiện môi trường đầu tư để tăng tính hấp dẫn của ngành du lịch tỉnh Thái Nguyên bằng một loạt các biện pháp sau: Năm 2018, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020” để làm định hướng cho việc kêu gọi đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó, nguồn vốn ngân sách Nhà nước tập trung ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch mà không đầu tư vào doanh nghiệp kinh doanh, nhằm tạo cho môi trường đầu tư được hấp dẫn hơn trong thu hút đầu tư vào ngành du lịch. Thành lập Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư du lịch trực thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên, là cơ quan hỗ trợ các nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch trong giai đoạn đầu để tìm hiểu về môi trường đầu tư trước khi quyết định đầu tư.

Có thể kể đến một số dự án du lịch đang được đầu tư và phát triển tại Thái Nguyên bao gồm: Các dự án dịch vụ, du lịch, giải trí, khách sạn lớn, như Tổ hợp khách sạn Grace, dự án đầu tư Khu du lịch Quốc gia Hồ Núi Cốc của doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường, dự án 2 bờ Sông Cầu của Tập đoàn Phúc Lộc,.. Tổng mức đầu tư cho các dự án dự kiến khoảng 200.000 tỷ đồng. Ngoài ra, còn có các dự án lớn khác, như dự án nghiên cứu, khảo sát, đề xuất phương án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết dự án Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao và giải trí Đông Tam Đảo của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Tam Đảo với diện tích quy hoạch trên 5.000 ha và tổng vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD.

Đối với ngành thương mại-dịch vụ. Cùng với quá trình đô thị hóa, thị trường đô thị ở Thái Nguyên phát triển khá mạnh. Trong đó, thành phố Thái Nguyên - một trong những đô thị, trung tâm kinh tế văn hóa của tỉnh và của cả vùng trung du miền núi Bắc Bộ. Hiện nay, thành phố Thái Nguyên đang

giữ vai trò là đầu mối tập trung giao dịch buôn bán, mở đầu các kênh lưu thông, bán buôn vật tư hàng hóa như sắt thép, xi măng, xăng dầu, máy móc phụ tùng, hàng công nghiệp tiêu dùng, đồng thời là trung tâm phân phối hàng hóa nông, lâm sản, thực phẩm trong tỉnh cũng như đối với vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Có thể thấy rằng, với sự gia tăng của các dự án FDI cùng số vốn đăng ký đã đem lại nhiều lợi ích có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước hết, đó là góp phần quan trọng vào xuất khẩu: trước năm 2000, xuất khẩu của khu vực đầu tư nước ngoài (ĐTNN) không đóng góp gì vào giá trị xuất khẩu của tỉnh. Tuy nhiên, từ năm 2001, xuất khẩu của khu vực này bắt đầu có đóng góp vào tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh và không ngừng tăng lên qua các giai đoạn. Cụ thể, giai đoạn 2006-2010, giá trị xuất khẩu của khu vực ĐTNN chiếm 9,17% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh giai đoạn này, trong giai đoạn 2011-2015 đã chiếm 96,38% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh và trong năm 2018, đã lên tới 98,27% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

Bên cạnh đó, ĐTNN góp phần làm đa dạng mặt hàng xuất khẩu. Trước năm 2014, các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh Thái Nguyên chủ yếu là sản phẩm may, giấy, chè các loại, quặng và sản phẩm từ sắt thép thì từ năm 2014, với sự đi vào hoạt động sản xuất ổn định của các dự án của Tập đoàn Samsung và các doanh nghiệp phụ trợ, các mặt hàng xuất khẩu đã bao gồm điện thoại các loại và linh kiện điện thoại, máy tính bảng... Tiếp theo, ĐTNN góp phần đóng góp vào nguồn thu ngân sách: năm 2019, nộp ngân sách của khu vực ĐTNN là 186,4 triệu USD, tương đương 4.287 tỷ đồng.

Đồng thời, ĐTNN còn thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện nay, 98,86% vốn ĐTNN tập trung vào lĩnh vực công nghiệp - xây dựng với trình độ công nghệ cao hơn mặt bằng chung của tỉnh. Khu vực ĐTNN đã tạo nên bộ mặt mới trong lĩnh vực dịch vụ

chất lượng cao như khách sạn, nhà hàng, văn phòng, căn hộ cho thuê, ... Khu vực ĐTNN cũng góp phần không nhỏ đến việc tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thay đổi cơ cấu lao động. Hiện nay, khu vực ĐTNN tạo ra trên 105.300 lao động trực tiếp, có tác động mạnh đến chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa. ĐTNN đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài, nâng cao trình độ của công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý. Ngoài ra, ĐTNN đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng lao động thông qua hiệu ứng lan tỏa lao động, cập nhật kỹ năng cho bên cung ứng và bên mua hàng.

Khu vực ĐTNN còn tạo ra mối liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp ĐTNN với doanh nghiệp trong nước, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước tiếp cận hoạt động chuyên giao công nghệ, tiếp cận với các công nghệ tiên tiến trên thế giới.

### **2.3. Những hạn chế và nguyên nhân trong thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên**

#### **2.3.1. Những hạn chế**

Thứ nhất, trình độ người lao động chưa được cải thiện. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trên tổng số lao động tại các doanh nghiệp FDI không được cải thiện, dù số việc làm được tạo ra tăng mạnh nhờ có FDI. Về trước mắt, người lao động không cần qua đào tạo nghề trước khi tuyển dụng đã được làm việc sẽ giải quyết được bài toán việc làm, giảm gánh nặng cho xã hội. Tuy nhiên, về lâu dài, khi doanh nghiệp FDI rút đi hoặc khi người lao động không còn đủ điều kiện sức khỏe để tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp FDI thì họ sẽ khó có khả năng tham gia thị trường lao động khi không có trình độ chuyên môn nhất định.

Thứ hai, đóng góp cho ngân sách và phát triển doanh nghiệp phụ trợ còn hạn chế. Những ưu đãi về thuế đã làm cho sự đóng góp của các doanh

ng nghiệp FDI không đáng kể so với giá trị sản xuất tạo ra. Chẳng hạn, giá trị sản xuất của FDI cao gấp gần 6 lần giá trị sản xuất của khu vực ngoài Nhà nước, nhưng khu vực FDI chỉ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước cao hơn 1,2 lần so với khu vực ngoài Nhà nước. Tác động lan tỏa của các dự án FDI tới việc phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Hiện nay, chưa có một doanh nghiệp địa phương nào của tỉnh tham gia được vào chuỗi sản xuất của Samsung cho thấy, tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm của doanh nghiệp này rất thấp, các doanh nghiệp phụ trợ cho ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử thì tại tỉnh Thái Nguyên thì hầu như chưa có.

Thứ ba, là các vấn đề về điều kiện làm việc và tệ nạn xã hội. Một số vấn đề liên quan đến môi trường làm việc của người lao động, nhất là lao động nữ trong các doanh nghiệp FDI còn gặp phải những ý kiến trái chiều. Ngoài ra, một vấn đề xã hội đang thu hút được sự chú ý là việc gia tăng tệ nạn xã hội, “điểm nóng” về an ninh trật tự tại các địa phương có doanh nghiệp FDI, nơi thu hút hàng trăm nghìn lao động từ khắp đất nước, ví dụ huyện Phổ Yên, Thái Nguyên.

### **2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế**

#### **2.3.2.1 Nguyên nhân khách quan**

*Khung pháp luật liên quan đến thu hút FDI chưa hoàn thiện.* Một số quy định hiện hành chưa phù hợp, như: chính sách ưu đãi đầu tư, vấn đề lao động và quản lý lao động nước ngoài; quy định về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp chưa rõ ràng, khó thực hiện; chính sách về công nghiệp hỗ trợ chưa đủ hấp dẫn; cơ chế giải quyết tranh chấp chưa rõ ràng... Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) chưa thực sự thông thoáng để tạo tiền đề cho doanh nghiệp được quyền tự chủ thực hiện ý tưởng, sáng kiến trong kinh doanh và đầu tư.

*Hạn chế trong hoạt động liên doanh, liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI.* Liên kết doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế do: Thiếu nhà cung ứng đầu vào có đủ năng lực; Thiếu thông tin về các doanh nghiệp có thể làm công nghiệp hỗ trợ; Doanh nghiệp FDI phải đầu tư để nâng cấp doanh nghiệp trong nước có tiềm năng và chậm xây dựng các cụm CN hỗ trợ.

*Hạn chế về nguồn nhân lực chất lượng cao trong thu hút FDI.* Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam chưa có nhiều đột phá, khiến cho doanh nghiệp FDI gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng lao động cho các vị trí đòi hỏi nhiều kỹ năng, như quản lý, giám sát và giám đốc điều hành, giám đốc tài chính... Các doanh nghiệp FDI ít hài lòng về chất lượng đào tạo nghề của địa phương, họ phải chi nhiều cho đào tạo lại lao động tuyển vào.

*Hạ tầng chất lượng cao còn hạn chế.* Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa số có quy mô nhỏ bé, chưa đồng bộ và chưa tạo được sự kết nối liên hoàn, khả năng đáp ứng nhu cầu giao thông và an toàn giao thông còn hạn chế.

*Chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường.* Trong thực tế, các chỉ tiêu đặt ra trong đề án Bảo vệ môi trường của tỉnh chưa được thực hiện đầy đủ như mục tiêu. Tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn đang có xu hướng gia tăng, ý thức tự giác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp chưa cao, việc thực hiện còn mang tính đối phó. Cán bộ làm công tác quản lý môi trường so với yêu cầu của nhiệm vụ nhất là ở cấp xã còn thiếu và yếu.

#### 2.3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

##### *Nhận thức của doanh nghiệp FDI*

Các doanh nghiệp FDI chưa sẵn sàng chuyển giao công nghệ cho Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI hiện nay chủ yếu sử dụng các ưu đãi về đất đai, vị trí, nhân công lao động giá rẻ để phát triển và không có ý định chuyển giao nhiều.

*Trình độ khoa học công nghệ và khả năng thúc đẩy ngành nghề mà doanh nghiệp FDI đang hoạt động*

Hầu hết các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là Samsung sử dụng lao động trẻ làm công việc giản đơn, không đòi hỏi tay nghề cao. Công nhân thường không được đào tạo chuyên sâu và cũng ít gắn bó lâu với nghề, với công ty. Ngoài ra, các cán bộ người Việt chưa tham gia vào được quá trình hoạch định chiến lược và ra quyết định phát triển, chủ yếu làm theo các kế hoạch được lập sẵn. FDI chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp địa phương để cùng tham gia chuỗi giá trị, chưa thúc đẩy được công nghiệp hỗ trợ Việt Nam phát triển. Toàn bộ các công ty nội địa cung cấp cho Samsung đều không nằm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mà nằm ở các tỉnh thành khác. Hoạt động chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý của khối doanh nghiệp này chưa đạt như kỳ vọng; đóng góp vào ngân sách nhà nước chưa tương xứng.



### CHƯƠNG III

## ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG NHỮNG NĂM TỚI

### 3.1. Giải pháp cải thiện trình độ người lao động

Trong những năm gần đây, chất lượng của nguồn nhân lực Việt Nam nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng ngày càng được nâng cao do Chính phủ chú trọng đầu tư vào giáo dục công. Người lao động được bồi dưỡng về văn hóa, đào tạo tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn đã góp phần tăng năng suất lao động, đây cũng là lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Thực hiện sắp xếp lại và đầu tư nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên; trung tâm dạy nghề của các huyện thành các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề; mở rộng mạng lưới trung tâm học tập công đồng ở các xã.

Hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn toàn tỉnh từ trình độ sơ cấp nghề đến đại học và sau đại học, chú ý phân bổ hợp lý các cơ sở đào tạo nhân lực cho khu công nghiệp và các huyện miền núi của tỉnh. Phần đầu có các trường đào tạo nghề, trường cao đẳng, đại học đào tạo chất lượng cao có uy tín trên cả nước; đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực cho các cơ sở sản xuất các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác đào tạo. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn đóng trên địa bàn đầu tư xây dựng cơ sở dạy nghề cho lực lượng lao động của tỉnh. Tranh thủ các chương trình của Nhà nước để phát triển mạnh công tác đào tạo nghề cho lực lượng lao động để tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tỉnh.

Đa dạng hoá các loại hình đào tạo dạy nghề, mở rộng quy mô và hình thức đào tạo ở các trường chuyên nghiệp trong tỉnh với các ngành nghề phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương, thực hiện công tác đào tạo theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nghề ứng dụng nhằm cung cấp nguồn

nhân lực chất lượng cao và xây dựng tiềm lực khoa học cho tỉnh. Cùng cố các trường chuyên nghiệp dạy nghề và các Trung tâm đào tạo, Trung tâm giáo dục hướng nghiệp ở các huyện miền núi. Tăng cường các hình thức đào tạo chính quy, đào tạo tại chức ở tỉnh, huyện cho mọi đối tượng. Huy động năng lực dạy nghề trên địa bàn (doanh nghiệp, làng nghề,...), hình thành mạng lưới dạy nghề với nhiều hệ thống, nhiều cấp độ để tăng nhanh quy mô dạy nghề, chú trọng dạy nghề cho lao động nông thôn, cho thanh niên dân tộc thiểu số, cho lao động vùng chuyên canh, vùng chuyển đổi cơ cấu kinh tế,....

Đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các nhà doanh nghiệp, các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ cơ sở...

Coi trọng công tác dạy nghề ở nông thôn, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc ít người. Phát triển các trường dạy nghề, các trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề đến các huyện; củng cố và mở rộng hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư đến các xã để tư vấn việc làm cho người lao động.

### **3.2. Giải pháp tăng cường cho ngân sách và phát triển doanh nghiệp phụ trợ**

Một trong những mục tiêu của thu hút và duy trì sự tăng trưởng của các doanh nghiệp FDI là tác động tích cực đến phát triển các doanh nghiệp địa phương thông qua phát triển công nghiệp phụ trợ.

UBND Tỉnh xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp phụ trợ, tương thích với chiến lược đầu tư và kinh doanh của các doanh nghiệp FDI. Sự phát triển của công nghiệp phụ trợ phù hợp sẽ giúp cho các doanh nghiệp FDI giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận. Chiến lược phát triển công nghiệp phụ trợ cần được nghiên cứu xây dựng tương thích với chiến lược thu hút đầu tư và chu kỳ phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp FDI.

Để thực hiện Tỉnh cho rà soát lại các cơ sở sản xuất các ngành phụ trợ tại các công ty Nhà nước, có cơ chế chính sách thích hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới thiết bị, thay đổi công nghệ tại những cơ sở đã có quy

mô trương đổi lớn. Lập chế độ tư vấn kỹ thuật và quản lý để mời các chuyên gia nước ngoài vào giúp thay đổi công nghệ và cơ chế quản lý tại từng doanh nghiệp Nhà nước. Hiện nay, Nhật Bản và một số nước khác đang có chế độ gửi những người đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn sức khoẻ và ý chí muốn đem kinh nghiệm của mình đến giúp các nước đang phát triển. Họ được gọi là những người tình nguyện viên cao cấp (senior volunteers). Tỉnh có thể thông qua các tổ chức quốc tế để tận dụng nguồn lực quốc tế này để nhanh chóng tăng sức cạnh tranh của các ngành công nghiệp phụ trợ.

Bên cạnh đó Tỉnh Thái Nguyên thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất các ngành công nghiệp phụ trợ, với sự hỗ trợ đặc biệt về vốn, và những ưu đãi đặc biệt về thuế (miễn thuế nhập khẩu thiết bị và công nghệ, miễn thuế doanh thu, v.v....). Đưa ra chính sách ưu đãi đặc biệt và chỉ áp dụng có thời hạn (chẳng hạn trong 3-5 năm). Xây dựng chế độ thưởng đặc biệt cho những công ty (kể cả Nhà nước, tư nhân và công ty có vốn nước ngoài) có thành tích cao về xuất khẩu.

Một số nước đã phát triển, đặc biệt là Nhật, có chương trình xúc tiến chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các nước đang phát triển. Tỉnh nên đặc biệt tiếp nhận nhanh sự hỗ trợ này để nhanh chóng tăng khả năng cung cấp các mặt hàng công nghiệp phụ trợ hiện có, nhất là các mặt hàng đang sản xuất tại các doanh nghiệp Nhà nước.

### **3.3. Giải pháp về điều kiện làm việc**

#### *Phát triển mạng lưới cấp điện*

Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện để phát triển kinh tế của địa phương. Nâng cao chất lượng mạng lưới truyền tải điện bảo đảm cung cấp điện liên tục, ổn định cho khách hàng, giảm sự cố, giảm tổn thất điện năng.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại hoá toàn bộ hệ thống truyền tải và phân phối điện trong tỉnh, đảm bảo cấp điện ổn định với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Chú trọng đầu tư xây dựng các công trình thủy điện nhỏ và mạng lưới cấp điện cho các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Đối với các khu vực không có khả năng phát triển điện lưới và thủy điện nhỏ sẽ đầu tư xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời để phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

#### *Phát triển hệ thống cấp thoát nước*

Xây dựng đồng bộ hệ thống cấp thoát nước với công nghệ hiện đại, tiên tiến cho các thành phố, thị xã, các KKT và KCN lớn; nâng cấp mở rộng và xây dựng mới hệ thống cấp nước cho các thị trấn, thị tứ và các khu dân cư tập trung.

Chú trọng đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, đặc biệt là cho các xã vùng cao, vùng xa, vùng biên giới theo Chương trình nước sạch quốc gia. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước ở các đô thị trong tỉnh theo hướng thoát nước thải sinh hoạt riêng và thoát nước mưa riêng, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường của các đô thị. Đối với các KCN tập trung, xây dựng hệ thống thoát nước thải và các trạm xử lý riêng cho từng khu, đảm bảo toàn bộ nước thải (*cả nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp*) đều được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung, hoặc sử dụng tuần hoàn cho các mục đích khác.

#### *Phát triển hạ tầng Thông tin và truyền thông*

*Về bưu chính:* Phát triển mạng lưới bưu chính rộng khắp mọi vùng, miền trong tỉnh, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ. Tổ chức lại các bưu cục, các điểm phục vụ phù hợp với quy hoạch.

Phát triển các điểm Bưu điện – văn hoá xã thành “Trung tâm thông tin cơ sở”, có các dịch vụ bưu chính viễn thông đa dạng, có dịch vụ truy cập Internet đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

*Về viễn thông:* Huy động tổng hợp các nguồn lực, từng bước xây dựng viễn thông thành một trong những ngành kinh tế, kỹ thuật hiện đại phục vụ tốt yêu cầu thông tin liên lạc của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trên khắp các vùng, miền, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai; đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập với khu vực và quốc tế. Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông với công nghệ hiện đại, có độ bao phủ khắp địa bàn tỉnh với dung lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, hoạt động hiệu quả. Nâng cấp cải tạo kết hợp xây dựng mới mạng lưới viễn thông tại các huyện, đáp ứng nhu cầu mở rộng các loại hình dịch vụ viễn thông-Internet phong phú đa dạng với độ an toàn cao. Đặc biệt chú ý đầu tư hệ thống thông tin, truyền thông ven bờ và trên biển, phục vụ công tác phòng chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn.

Nâng cao năng lực và dung lượng các trạm phát sóng điện thoại di động, đạt mục tiêu phủ sóng di động ở tất cả các khu vực; các vùng trong tỉnh. Tiếp tục triển khai các thiết bị truy cập Internet đến hầu hết các trạm viễn thông và phát triển các thuê bao đa dịch vụ của mạng NGN. Lắp đặt thiết bị truy nhập tại các điểm Bưu điện - văn hoá xã, tổ chức lại các trạm thông tin vệ tinh VSAT IP cho các xã có nhu cầu sử dụng thấp và có địa hình đặc biệt khó khăn. Tổ chức các trạm phát sóng di động dọc các đường quốc lộ, tỉnh lộ, các khu vực trọng yếu dọc các tuyến đê biển, đê sông..., đảm bảo thông tin phục vụ kịp thời cho công tác phòng chống bão lụt của địa phương.

*Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực*

Khai thác mọi nguồn lực trong tỉnh để đầu tư. Tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho tất cả các loại hình doanh nghiệp phát triển,

tập trung vào xây dựng và thực hiện cơ chế một cửa, rà soát, giảm thiểu giấy phép, thời gian cũng như chi phí gia nhập thị trường cho tất cả các nhà đầu tư đặc biệt là các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài; không hạn chế về quy mô đầu tư và quy mô lao động; xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử trong tiếp cận với các cơ hội, nguồn lực và thông tin thị trường. Cơ chế thích hợp để thu hút nguồn lực của các địa phương trên cơ sở phát huy lợi thế của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tháo gỡ khó khăn mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt liên quan đến các nhân tố đầu vào và sản phẩm đầu ra. Có chương trình và phát động phong trào toàn dân khuyến khích, cổ vũ, động viên, và tôn vinh tinh thần kinh doanh, sáng kiến kinh doanh; phổ biến các trường hợp điển hình về phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Sử dụng có hiệu quả đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác: tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng kinh doanh cho nhà đầu tư thông qua việc công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất, quỹ đất; xây dựng hoặc hỗ trợ xây dựng khu công nghiệp; cụm công nghiệp cùng với hạ tầng công nghiệp hàng rào và ngoài hàng rào; đảm bảo các quyền cơ bản theo luật định của nhà đầu tư đối với đất đai; kiên quyết thu hồi các diện tích mặt đất, mặt nước để không hoặc sử dụng không hiệu quả đã giao cho các cơ quan, tổ chức.

#### *Tăng cường quản lý nâng cao hiệu quả các nguồn lực*

Tiếp tục hoàn thành các văn bản pháp luật quy định hướng dẫn thi hành Luật xây dựng, Luật đầu tư đã được quốc hội thông qua, đồng thời cũng ban hành các văn bản pháp quy, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về quản lý các nguồn vốn đầu tư theo hướng tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cộng đồng đối với công tác quy hoạch, công khai các dự án quy hoạch, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát quản lý xây dựng và kế hoạch sử dụng đất đai ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tăng cường phân cấp trong quản lý đầu tư cho các ngành, các địa phương phù hợp với yêu cầu về cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đơn giản hóa các thủ tục đầu tư. Đi đôi với việc phân cấp trong quản lý đầu tư, xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân ban hành chế tài đủ mạnh nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quá trình hoạt động đầu tư. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, đặc biệt là các kiến thức liên quan đến công tác quản lý đầu tư, xây dựng. Nâng cao nhận thức, ý thức nghề nghiệp; tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công nhân trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng; tăng cường vai trò của các tổ chức Đảng trong các tổ chức hoạt động đầu tư và xây dựng nhằm thu hút đầu tư trong nước cũng như nước ngoài đến với tỉnh Thái Nguyên.

#### **3.4. Giải pháp về các chính sách thu hút FDI tại Thái Nguyên**

Thủ tục hành chính rắc rối phiền hà được xem như một trong những nguyên nhân quan trọng làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam. Do đó, việc cải cách thủ tục hành chính một cách thích hợp là thực sự cần thiết.

Cần xây dựng cơ chế quản lý theo hướng một cửa, một đầu mối (nhà đầu tư chỉ cần đến một cơ quan duy nhất) từ khâu khảo sát ban đầu đến khi hình thành dự án, thẩm định và cấp giấy chứng nhận đầu tư, để tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư nước ngoài. Cải tiến mạnh thủ tục hành chính liên quan đến FDI theo hướng đơn giản hoá việc cấp phép và mở rộng phạm vi các dự án thuộc diện đăng ký cấp phép đầu tư.

Việc cải cách thủ tục hành chính theo cách gọn nhẹ, bớt rườm rà sẽ làm hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài hơn và một phần sẽ thể hiện được sự tôn trọng của Nhà nước đối với quyền tự chủ của doanh nghiệp. Một chương trình cải cách thủ tục hành chính đồng bộ gồm có: Tinh giảm bộ máy hành chính,

đào tạo bộ máy bồi dưỡng cán bộ viên chức, xoá bỏ những thủ tục phiền hà và cải cách chế độ tiền lương.

Cần phải đổi mới, nâng cao hơn nữa công tác vận động xúc tiến đầu tư nhằm nâng cao khả năng thu hút vốn FDI. Sở Kế hoạch-đầu tư tỉnh phải đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, chủ động đấu mối với các bộ, ngành trung ương để có thông tin về các nhà đầu tư nước ngoài. Phối hợp với Trung tâm xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch-Đầu tư tổ chức các hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Đổi mới về nội dung và phương thức vận động, xúc tiến đầu tư; triển khai các chương trình xúc tiến đầu tư theo ngành, theo lĩnh vực, địa bàn với các dự án mà đối tác cụ thể, hướng vào các đối tác nước ngoài có tiềm lực về tài chính và công nghệ; Phối hợp với các bộ ngành trung ương chuẩn bị kỹ một số dự án đầu tư quan trọng, lựa chọn, mời trực tiếp một vài tập đoàn lớn trong ngành, lĩnh vực đó vào để đàm phán, tham gia đầu tư.

Tổ chức cán bộ hội thảo về đầu tư ở trong nước và nước ngoài; sử dụng tổng hợp các phương tiện xúc tiến đầu tư qua truyền thông đại chúng, mạng Internet, tiếp xúc trực tiếp... Tăng cường công tác nghiên cứu tình hình kinh tế, thị trường đầu tư, chính sách đầu tư nước ngoài của các nước, các tập đoàn và các công ty lớn để có chính sách thu hút cho phù hợp; Hoàn thiện và đưa vào hoạt động một cách có hiệu quả trang web về giới thiệu tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó thường xuyên cập nhật các chính sách về đầu tư của tỉnh, giới thiệu các dự án kêu gọi đầu tư, những dự án thành công...

Bổ trí nguồn tài chính cho hoạt động xúc tiến đầu tư trong kinh phí ngân sách chi thường xuyên hàng năm của tỉnh. Xây dựng quỹ xúc tiến đầu tư trên cơ sở ngân sách cấp (trích từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài) kết hợp với huy động đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp.



Chú trọng tăng cường công tác cán bộ đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật làm việc trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đồng thời nâng cao năng lực đào tạo nghề nhằm phát triển đội ngũ công nhân lành nghề vào làm việc cho các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chú trọng cả xúc tiến đầu tư để thu hút các dự án đầu tư trực tiếp từ nước ngoài mới và các hoạt động hỗ trợ các nhà đầu tư để triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hoạt động. Giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hoạt động thuận lợi. Tiếp tục tăng cường các cuộc vận động kêu gọi đầu tư từ một số nhà đầu tư đã có dự án FDI như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,...

## KẾT LUẬN

Trong nhiều năm qua, Thái Nguyên là địa chỉ đổ tin cậy thu hút nhiều tập đoàn lớn trong và ngoài nước chọn nơi đây là bến đỗ như: Tập đoàn Samsung, Sunny Optech... sử dụng công nghệ cao và thương hiệu nổi tiếng trên thế giới đến đầu tư. Tạo nên nguồn lực mới quan trọng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế công nghiệp của tỉnh trong những năm tiếp theo. Cùng với sự gia tăng của dòng vốn đầu tư FDI đăng ký mới, dòng vốn đầu tư FDI gia tăng từ các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh cũng có sự tăng mạnh. Điều đó cho thấy, môi trường đầu tư của Thái Nguyên đã thực sự tạo được niềm tin, sức hấp dẫn để các nhà đầu tư yên tâm sản xuất, kinh doanh và tiếp tục mở rộng những dự án tiềm năng.

Có thể thấy, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thúc đẩy cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng hiệu quả hơn, hợp lý hơn rất nhiều, tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ tăng lên, trong khi đó tỷ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp giảm xuống, điều đó phù hợp với xu thế phát triển chung của cả nước. Các ngành công nghiệp mới được đầu tư phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần giải quyết được một phần không nhỏ lao động, tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh...

Hi vọng trong những năm tới với nguồn vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng, tỉnh Thái Nguyên ngày càng được phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao hơn nữa. Với các chính sách của tỉnh, của địa phương sẽ thu hút được nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đến với tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt là đầu tư của các tập đoàn lớn trên thế giới để Thái Nguyên hoàn thành mục tiêu trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và Vùng Thủ đô Hà Nội vào năm 2030.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2001-2019: *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2000-2018*.
2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1986
3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991
4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996
5. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001
6. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006
7. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011
8. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016
9. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021
10. Nguyễn Trọng Hoài (2007): *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Lao động, Hà Nội
11. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, 2016-2019: *Báo cáo Tình hình thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*.
12. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (2017): *Báo cáo Các nội dung liên quan đến đầu tư dự án Khu tổ hợp công nghệ cao Samsung tại Thái Nguyên*.

13. Thủ tướng Chính phủ (2015): *Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Quyết định số 260/QĐ-TTg

14. Tỉnh ủy Thái Nguyên: *thông báo số 1220-CV/BCSD về việc báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư trong và ngoài ngân sách, dự án FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020*

15. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên: *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư ODA và FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020.*

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

**THUYẾT MINH  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG  
NĂM 2022**

**TÊN ĐỀ TÀI: QUÁ TRÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ  
TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH THÁI  
NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2015-2020  
MÃ SỐ: T2022-B18**

**Chủ nhiệm đề tài: ThS. Trương Thị Thùy Liên**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2022**

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG NĂM 2022**

<b>1. TÊN ĐỀ TÀI:</b> Quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020.		<b>2. MÃ SỐ:</b> T2022-B18		
<b>3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU</b>		<b>4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU</b>		
Khoa học Tự nhiên <input type="checkbox"/>	Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ <input type="checkbox"/>	Cơ bản <input type="checkbox"/>	Ứng dụng <input type="checkbox"/>	
Khoa học Y, dược <input type="checkbox"/>	Khoa học Nông nghiệp <input type="checkbox"/>	Triển khai <input type="checkbox"/>		
Khoa học Xã hội <input checked="" type="checkbox"/>	Khoa học Nhân văn <input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<b>5. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN: 12 tháng</b>				
Từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023				
<b>6. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI</b>				
Họ và tên: Trương Thị Thùy Liên		Học vị:		
Chức danh khoa học:		Năm sinh: 1988		
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Lý luận Chính trị		Điện thoại di động: 0336399993		
Điện thoại cơ quan:		Fax:		
E-mail: thuylienkten@gmail.com				
<b>7. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI</b>				
TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký
<b>8. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH</b>				
Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị		

## 9. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

9.1. Trong nước (*phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan*)

Nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam nói chung và nghiên cứu làm rõ các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng là chủ đề có tính hấp dẫn đối với nhiều chuyên gia kinh tế, nhiều cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp ở Việt Nam. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của các tác giả trong và ngoài nước. Trong đó, có thể nêu ra những nhóm công trình nghiên cứu tiêu biểu như sau:

Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Việt Bằng và cộng sự (năm 2018) trong bài “*Các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Đồng Nai*”

Tác giả Đinh Phi Hồ (năm 2018) trong bài nghiên cứu “*Yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp*”

Nguyễn Thị Tuệ Anh cùng cộng sự, 2015. *Tác động của Đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam, Báo cáo nghiên cứu trong khuôn khổ Dự án CIEMSIDA về tăng cường năng lực cải cách kinh tế vĩ mô ở Việt Nam*

Đặng Thành Cường (2018) với Luận án tiến sỹ “*Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nghệ An*”

Lê Công Toàn (2018) Luận án tiến sỹ “*Các giải pháp tài chính nhằm tăng cường thu hút và quản lý FDI tại tỉnh Thái Nguyên*”.

9.2. Ngoài nước (*phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan*)

9.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu (*họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản*)

a) Của chủ nhiệm đề tài

b) Của các thành viên tham gia nghiên cứu

(*Những công trình được công bố trong 5 năm gần nhất*)

## 10. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngày càng trở nên phổ biến và đóng vai trò ngày càng quan trọng. Việt Nam được quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia thu hút FDI thành công nhất khu vực và trên thế giới, trở thành địa điểm đầu tư tin cậy, hiệu quả trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Báo cáo 2017 của Tổ chức Thương mại và phát triển Liên Hợp quốc đánh giá, Việt Nam nằm trong Top 12 quốc gia thành công nhất về thu hút FDI. Trải qua chặng đường hơn 30 năm đổi mới đến nay, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã ngày càng thể hiện được vai trò quan trọng và đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất

nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

Thái Nguyên, là trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng trung du miền núi Đông Bắc nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Với vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế nội bài 50 km, cách biên giới Trung Quốc 200 km, cách trung tâm Hà Nội 75 km và cảng Hải Phòng 200 km. Thái Nguyên còn là điểm nút giao lưu thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẽ quạt kết nối với các tỉnh thành. Trong những năm vừa qua, công tác thu hút đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có những bước tiến mới, đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành điểm sáng về thu hút đầu tư trong cả nước. Đặc biệt, năm 2014, cùng với việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án Tổ hợp công nghệ cao Samsung, Thái Nguyên đã vươn lên trở thành tỉnh dẫn đầu thu hút vốn FDI vào Việt Nam với 3,27 tỷ USD. Do có bước nhảy vọt thu hút đầu tư FDI, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và ấn tượng: tốc độ tăng trưởng kinh tế các năm gần đây đều cao hơn mức tăng trưởng trung bình của cả nước, tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh lân cận, các dự án FDI đã góp phần đưa Thái Nguyên từ một tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp chủ yếu trông chờ vào công nghiệp luyện kim, khai khoáng, dịch chuyển sang công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ.

Tuy nhiên, việc thu hút FDI của Thái Nguyên được đánh giá là chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Hơn nữa, trong điều kiện cạnh tranh gay gắt như hiện nay, cùng với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, Thái Nguyên cần có chiến lược và giải pháp để tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm tới.

Nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề, tôi lựa chọn đề tài: “**Quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên giai đoạn (2015-2020)**” làm đề tài NCKH của mình.

## **11. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI**

Đề tài nghiên cứu thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

## **12. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

12.1. Đối tượng nghiên cứu: thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Nguyên

12.2. Phạm vi nghiên cứu: Năm 2015 việc thu hút FDI của tỉnh tăng lên rõ rệt do đó tác giả



đã tập trung nghiên cứu từ năm 2015 đến năm 2020.

### 13. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

13.1. Cách tiếp cận: nghiên cứu từ chủ trương của Đảng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam; chính sách của tỉnh Thái Nguyên trong việc tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm qua.

13.2. Phương pháp nghiên cứu: đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích số liệu, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh...

### 14. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN





14.1. Nội dung nghiên cứu (*Mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu của đề tài, ghi rõ nội dung là: báo cáo các bài báo bằng tiếng Anh (nếu sản phẩm là bài báo quốc tế) tại hội thảo đơn vị*)

14.2. Tiến độ thực hiện

STT	Các nội dung, công việc thực hiện	Sản phẩm	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện
1	Nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung		4/2022-6/2022	Trương Thị Thùy Liên
2	Nghiên cứu quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020	1 bài báo đăng trên tạp chí trong nước	7/2022-1/2023	Trương Thị Thùy Liên
3	Đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới		2/2023-4/2023	Trương Thị Thùy Liên

### 15. SẢN PHẨM

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu chất lượng sản phẩm (mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật,...)
I	Sản phẩm khoa học (Các công trình khoa học sẽ được công bố: sách, bài báo khoa học, ..)		
1.1	bài báo đăng trên tạp chí trong nước	01	
...			
II	Sản phẩm đào tạo (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ,...)		
2.1			
..			
III	Sản phẩm ứng dụng		

3.1			
...			
<b>16. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG</b>			
16.1. Phương thức chuyển giao			
16.2. Địa chỉ ứng dụng			
<b>17. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU</b>			
17.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy một số nội dung của môn LSDCSVN cũng như một số nội dung có liên quan trong việc giảng dạy các môn LLCT			
17.2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan			
17.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội			
17.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu			
<b>18. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI</b>			
Tổng kinh phí: 0 đồng			
Bằng chữ: Không đồng			
(Dự toán chi tiết các mục chi đính kèm có xác nhận của các đơn vị liên quan.)			
		Ngày 30 tháng 03 năm 2022	
Chủ nhiệm đề tài		PHÒNG KHCN&HTQT	
			
Trương Thị Thùy Liên			
HỘI ĐỒNG BM LLCT		KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	
			
TS. Nguyễn Thị Thu Thủy		GS.TS. Vũ Ngọc Pi	

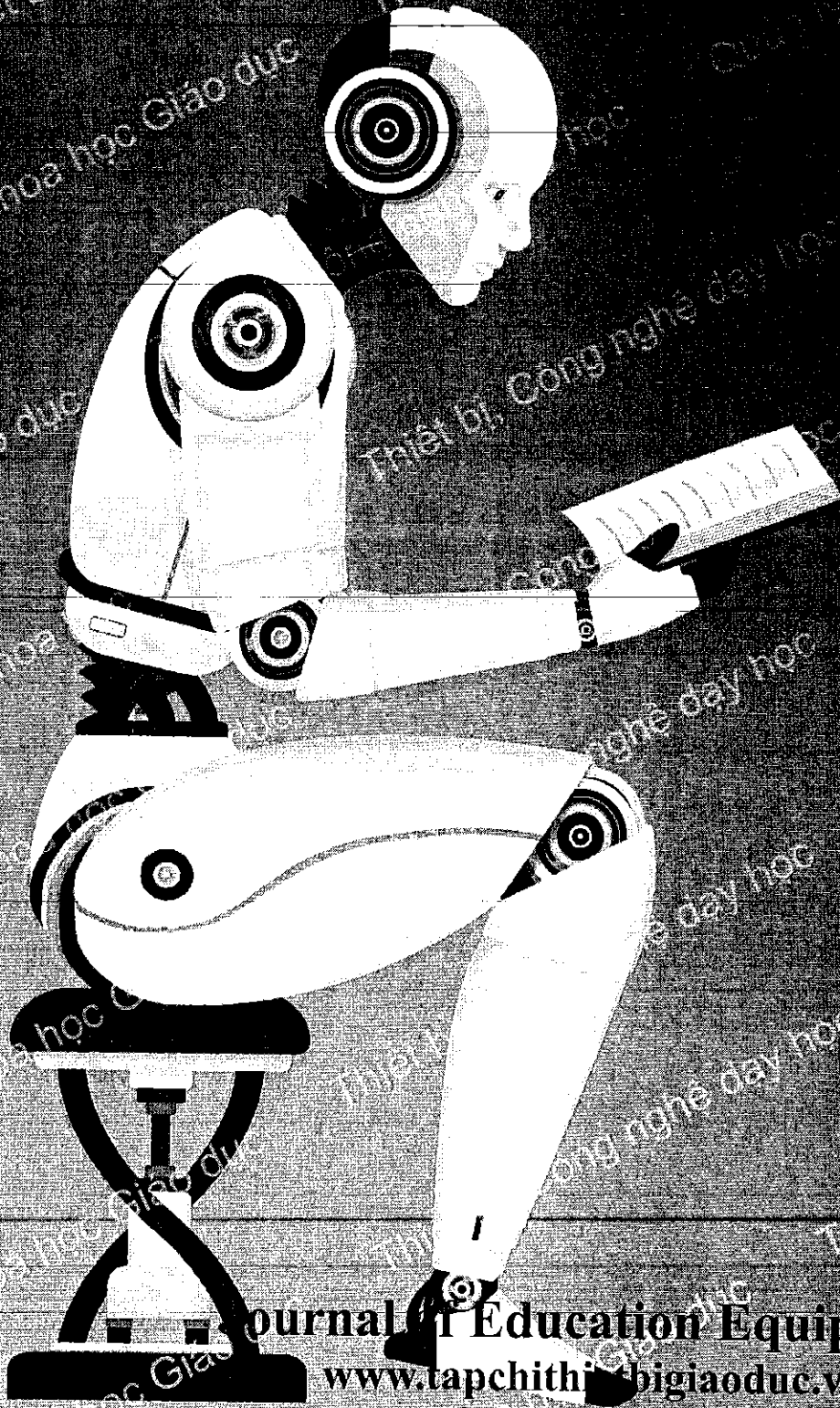




TẠP CHÍ

# Thiết bị Giáo dục

ISSN 2859 - 0810



Journal of Education Equipment  
[www.tapchithiengbiaogiaoduc.vn](http://www.tapchithiengbiaogiaoduc.vn)

**Tổng biên tập**

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

**Hội đồng biên tập**

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. PHAN VĂN KHÁ

Mr. DANNY GAUCH - HI TBGD THẾ GIỚI

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN - CHỦ TỊCH

PGS. TS. MAI VĂN TRINH

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HOÀ

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG

PGS. TS. NGUYỄN VŨ BÍCH HIẾN

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ CHI LAN

TS. BUI ĐỨC TỬ - PHÓ CHỦ TỊCH

TS. LÊ HOÀNG HẢO

TS. THÁI VĂN LONG

**Tòa soạn**Số nhà 41, ngõ 199, phố Khương Thượng  
(ngõ 440 Trường Chinh), quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762; Fax: 024.36658761

Email: tapchitbgd@yahoo.com.vn

Website: www.tapchithietbigiaoduc.vn

**Văn phòng giao dịch phía Nam**TS. Bùi Đức Tử - Trưởng Văn phòng đại diện  
Tạp chí TBGD phía Nam

Số 15.06A, Cao ốc Screec, 974 Trường Sa,

Phường 12, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

ĐT: 0913882206; Email: bdtu@sgu.edu.vn

**Tài khoản:** 0101613475555Ngân hàng TMCP Quân Đội,  
chi nhánh Thăng Long Hà Nội**Giấy phép xuất bản:**

Số/CBC-QLBC Ngày //2023

của Bộ Thông tin và Truyền thông

**Thiết kế và Chế bản:**

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại  
và Dịch vụ Nguyễn Lâm**MỤC LỤC - CONTENT****NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG - APPLIED RESEARCH**

- Đỗ Thị Mỹ Hòa:** Các yếu tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong phát triển mô hình trường học thông minh - *Factors affecting the application of information and communication technology in smart school model development* 1
- Phạm Hoàng Đan:** Ảnh hưởng của tính trực tiếp của giáo viên đối với người học ngoại ngữ tuổi trưởng thành (L2) - *The effects of teacher immediacy on adult language learners* 4
- Trần Thị Thu Hương:** Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và vấn đề đặt ra đối với việc giáo dục lối sống văn hóa cho sinh viên - *The Fourth Industrial Revolution and the problems facing the education of cultural lifestyles for students* 7
- Lê Văn Vinh, Lê Trọng Phong:** Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao sự gắn kết doanh nghiệp với quá trình đào tạo và đánh giá người học - *Applying information technology to enhance business engagement with the process of training and assessing learners* 10
- Nguyễn Thị Minh Thương, Đỗ Diệp Linh:** Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. - *Solutions to improve the quality of teaching staff to meet the requirements of the Industrial Revolution 4.0.* 13
- Huỳnh Tân Thạch, Nguyễn Văn Lược:** Đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực tư duy sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - *Innovating teaching methods to develop creative thinking competence of students at Dong Thap University under the influence of the industrial revolution 4.0* 16
- Bùi Thị Cẩm Huệ, Nguyễn Minh Thành:** Dạy học chủ đề Năng lượng trong chương trình môn Khoa học tự nhiên 6 bằng phương pháp dạy học dự án - *Teaching the topic of Energy in the curriculum of Natural Science 6 by project teaching method* 19
- Hồ Xuân Huy, Nguyễn Hồng Hải:** Sử dụng phần mềm Adobe premiere pro làm video clip bài thí nghiệm "xác định gia tốc trọng trường" - *Using Adobe premiere pro software as a video clip of the experiment "determining the acceleration due to gravity"* 21
- Nguyễn Hoàng Sơn, Đinh Quốc Huy:** Thiết kế trò chơi học tập trong dạy học toán ở tiểu học - *Designing learning games in teaching mathematics in primary schools* 23
- Nguyễn Thành Công:** Đổi mới kiểm tra, đánh giá học phần đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức theo hướng tiếp cận năng lực trong đào tạo sinh viên ngành giáo dục tiểu học - *Innovation in assessment of ethics course and methods of ethical education following the competence-based approach in training students in primary education* 26
- Trương Thị Thanh Mai, La Thị Bích Ngâu:** Thiết kế hoạt động trải nghiệm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học Chủ đề Sinh học cơ thể động vật - Sinh học lớp 11 - *Designing experiential activities to develop the ability to apply learned knowledge and skills in Biology of the animal body - 11th grade Biology* 29
- Hoàng Thị Phương Loan:** Nghiên cứu quan điểm của người học về hoạt động viết chiêm nghiệm trên Facebook - *Research on learners' perspectives on contemplative writing activities on Facebook* 32
- Huỳnh Chí Xuân Huyền:** Vấn đề xây dựng môi trường văn hóa trong cơ sở giáo dục đại học tại Trường Đại học An Giang - *Issues of building a university cultural environment at An Giang university* 35
- Nguyễn Thị Ánh Tuyết:** Một số giải pháp đổi mới công tác quảng bá và tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Hà Tĩnh - *Some innovative solutions for advertising and enrollment consultation at Ha Tinh University* 38
- Nguyễn Công Trình; Vũ Thị Thanh Huyền:** Đọc sách và những tác động của đọc sách đối với việc hình thành nhân cách học sinh-trung-học-phổ thông - *Reading and the effects of reading on the formation of high school students' personality* 41

<i>and capacity of teachers according to Ho Chi Minh Thought</i>	
<b>Phan Việt Hùng, Phạm Thế Lâm, Chu Ngọc Ân, Mai Bá Chính, Lê Ngọc Huy:</b> Giáo dục phẩm chất trung, hiếu theo Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với thực hiện kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) cho quân nhân chuyên nghiệp đơn vị cơ sở quân đội nhân dân Việt Nam - <i>Education of middle and filial quality according to Ho Chi Minh Thought associated with the implementation of the conclusion No. 01-KL/TW of the Politburo (course XIII) for professional soldiers of grassroots units of the Vietnam People's Army</i>	254
<b>Vũ Thị Duyên:</b> Một số giải pháp đổi mới phương pháp thuyết trình trong giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - <i>Some solutions to innovate presentation methods in teaching History of the Communist Party of Vietnam</i>	257
<b>Trần Văn Thu:</b> Nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình theo Tư tưởng Hồ Chí Minh - <i>Improving the quality of self-criticism and criticism according to Ho Chi Minh's Thought</i>	261
<b>Phạm Huy Công:</b> Thực trạng vận dụng tư liệu băng hình trong dạy học học phần quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK tại trường Đại học Hạ Long - <i>Actual situation of applying video material in teaching general military course and tactics, shooting techniques AK submachine gun at Ha Long University</i>	264
<b>Tô Thị Hải Quyên:</b> Quan điểm Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp và ý nghĩa hiện nay - <i>Ho Chi Minh's views on agricultural development and its current significance</i>	267
<b>Đinh Thị Huyền Trang:</b> Đổi mới phương pháp dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong bối cảnh cách mạng 4.0 tại Trường Cao đẳng Thái nguyên - <i>Innovating the teaching method of the module of Basic principles of Marxism - Leninism in the context of the 4.0 revolution at Thai Nguyen College</i>	270
<b>Nguyễn Thanh Hà:</b> Nghiên cứu quan điểm Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng với vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên - <i>Studying Ho Chi Minh's views on revolutionary morality with the issue of revolutionary moral education for cadres and party members</i>	273
<b>Trần Nguyên Bảo:</b> Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị và ý nghĩa đối với công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên - <i>President Ho Chi Minh's point of view on political theory education and its significance for political theory education for students</i>	276
<b>Đỗ Minh Sơn:</b> Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của báo chí trong tư tưởng Hồ Chí Minh - <i>The unity between theory and practice of the press in Ho Chi Minh's thought</i>	279
<b>Đoàn Thị Phượng:</b> Nâng cao chất lượng của công tác hoà giải ở cơ sở trong bối cảnh hiện nay - <i>Improving the quality of grassroots conciliation in the current context</i>	282
<b>Lê Khánh Toàn:</b> Nội dung và giá trị nghệ thuật lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh - <i>The content and artistic values of President Ho Chi Minh's leadership</i>	285
<b>Vũ Thị Kim Hoa:</b> Hướng dẫn tự học môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin cho sinh viên Trường cao đẳng Thái nguyên - <i>Self-study guide for the basic principles of Marxism-Leninism for students at Thai Nguyen College</i>	288
<b>Nguyễn Hữu Long:</b> Giải pháp phát huy sức mạnh của tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong tập hợp, đoàn kết thanh niên - <i>Solutions to promote the strength of the Youth Union Communist Ho Chi Minh in rallying and uniting youth</i>	291
<b>Phạm Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thị Anh Đào:</b> Xây dựng, phát triển đội ngũ thanh niên Việt Nam vừa "hồng", vừa "chuyên" theo Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay - <i>Building and developing a team of young ethical and professional Vietnamese according to Ho Chi Minh's Thought in the current period</i>	294
<b>Nguyễn Võ Hải Triều:</b> Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp học ngôn ngữ thư giãn (Suggestopedia) trong dạy và học tiếng Anh - <i>The effects of suggestopedia on teaching and learning English</i>	297
<b>Phạm Thị Tài:</b> Hiệu quả ứng dụng Ẩn dụ tri nhận vào việc phát triển kỹ năng nói cho sinh viên năm thứ nhất, Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng - <i>Effective application of cognitive metaphor in developing speaking skills for first-year students, Faculty of English, University of Foreign Languages, University of Danang</i>	300
<b>Nguyễn Phương Lan:</b> Sử dụng âm nhạc và bài hát cho dạy học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên - <i>Using music and songs for teaching English vocabulary to students</i>	303
<b>Tran Khanh Trinh:</b> Improving the creative abilities of primary education students to meet the requirements of educational innovation	306
<b>Hà Thái Thủy Lê, Đặng Hà Gia Linh:</b> Application of floating and poor thermal conductivity of air design model of intelligent fire-resistant house	310
<b>Nguyễn Hồng Giang:</b> Áp dụng các phương pháp học tập tích cực - <i>Apply active learning methods</i>	313
<b>Đường Thị Phương Thảo:</b> Cải thiện kỹ năng đọc hiểu sâu tiếng anh thông qua sơ đồ tư duy - <i>Improving reading comprehension skills in English through mind maps</i>	316
<b>Nguyễn Thị Dung:</b> Tìm hiểu quan điểm của sinh viên năm 2 về hoạt động tranh luận trong môn nghe nói học thuật - <i>Research on 2nd year students' opinions on debate activities in academic listening and speaking</i>	318
<b>Trương Quang Dũng:</b> Tiềm năng khai thác ChatGPT trong giáo dục và giảng dạy tiếng Anh tại Trường đại học Tiền Giang - <i>Potentials for exploiting ChatGPT in English education and teaching at Tien Giang University</i>	321
<b>Hoàng Đăng Quý, Trịnh Văn Vinh:</b> Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tình hình mới - <i>Continue to promote learning and following Ho Chi Minh's ideology, morality and style on building a contingent of cadres and party members in the new situation.</i>	323
<b>Phạm Thị Diệu Ánh:</b> Một số nhận xét về chương trình đọc rộng tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất và giáo trình văn học cho sinh viên năm thứ 3 ở một trường đại học và đề xuất một số thay đổi - <i>Some comments on the English extensive</i>	326

	<i>Binh Phuoc rubber industry in the context of international integration</i>	
	<b>Hà Thị Phương Anh:</b> Ứng dụng và cải tiến giải thuật khai phá dữ liệu trong phân loại các bản tin - <i>Application and improvement of data mining algorithms in message classification</i>	403
	<b>Vũ Công Thương:</b> Phát huy giá trị truyền thống để giáo dục đạo đức cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay - <i>Promoting traditional values to educate students about morality in the current period</i>	406
	<b>Đào Đức Chương, Nguyễn Thị Xuân Thủy:</b> Thực trạng mức độ căng thẳng trong học tập của học sinh lớp 12 (Nghiên cứu trên địa bàn huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông) - <i>Situation of academic stress of 12th grade students (Research in Cu Jut district, Dak Nong province)</i>	409
	<b>Phạm Hữu Dũng:</b> Chuyển đổi số và lợi ích của chuyển đổi số cho nông nghiệp tỉnh An Giang - <i>Digital transformation and its benefits for agriculture in An Giang province</i>	412
	<b>Nguyễn Thành Công, Nguyễn Thị Hồng Lan:</b> Mối quan hệ biện chứng giữa giao lưu văn hóa và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở nước ta hiện nay - <i>The dialectical relationship between exchanging cultures and preseving, promoting the identity of national culture in our country today</i>	415
	<b>Nguyễn Thành Công:</b> Một số vấn đề trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng phát triển bền vững - <i>Some issues in attracting foreign direct investment in Vinh Phuc province following the approach of sustainable development</i>	418
	<b>Nguyễn Thị Yến:</b> Phát triển nhận thức về mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta - <i>The development of awareness about the relationship between the state, the market and society in the operating mechanism of the socialist-oriented market economy in our country</i>	421
	<b>Trịnh Thị Hoa, Trần Thị Ánh Tuyết:</b> Bồi dưỡng lối sống trách nhiệm, công hiến cho đoàn viên, hội viên công đoàn, phụ nữ ở các nhà trường quân đội - <i>Foster a lifestyle of responsibility and dedication to union members, union members, and women at military schools</i>	424
	<b>Hoàng Văn Lâm:</b> Chuẩn bị khai thác dữ liệu: Quy trình, kỹ thuật và các vấn đề chính trong phân tích dữ liệu - <i>Preparing for data mining: Processes, techniques and key issues in data analysis</i>	427
	<b>Hoàng Trần Hiếu:</b> Kết hợp cây quyết định và phân cụm K-Means trong chẩn đoán bệnh nhân mắc bệnh tim - <i>Combining decision trees and K-Means clustering in the diagnosis of patients with heart disease</i>	430
	<b>Nguyễn Thị Minh Châu:</b> Ảnh hưởng của nồng độ Garbage Enzyme đậu nành đến sinh trưởng và năng suất xà lách xoăn TN518 - ứng dụng trong dạy môn Kỹ thuật sản xuất rau sạch - <i>Effects of soybean garbage enzyme contents on growth and yield of curly salad tn518 - applications in teaching of clean vegetable production</i>	433
	<b>Bùi Thị Ngoan:</b> Phát triển nhận thức của Đảng ta về nền kinh tế Việt Nam sau 30 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - <i>Developing the Party's awareness of Vietnam's economy after 30 years of implementing the program of national construction in the transitional period to socialism</i>	436
	<b>Đương Văn Sơn:</b> Tư duy của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh sau 30 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - <i>The Party's thinking about combining socio-economic development associated with national defense and security consolidation after 30 years of implementing the country's construction platform in the transition period to socialism</i>	439
	<b>Nguyễn Như Linh, Nghiêm Xuân Cường:</b> Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền thực hiện bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với chủ xe cơ giới - <i>Improving the effectiveness of propaganda on the implementation of compulsory civil liability insurance for motor vehicle owners</i>	442
	<b>Đương Mộng Tuấn:</b> Nét đặc trưng văn hóa người phụ nữ Trà Vinh qua nhân vật Út Tịch trong tác phẩm "Người mẹ cầm súng" của Nguyễn Thi - <i>Cultural features of Tra Vinh women through the character "Ut Tich" in "Nguoi me cam sung" written by Nguyen Thi</i>	444
	<b>Vũ Thị Thanh Hoài:</b> Tính đại chúng của nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 dưới ảnh hưởng của bản "Đề cương Văn hoá" (1943) - <i>Popularity of Vietnamese literature in the period 1945-1975 under the influence of the "Cultural Outline" (1943)</i>	447
	<b>Chu Thị Lộc An:</b> Yếu tố phi ngôn ngữ của nhân vật trong tác phẩm văn học của Nguyễn Khắc Trường - <i>Survey of the interpersonal meanings manifested through the non-verbal factors of the characters from the work "the land of men and ghosts" of Nguyen Khac Truong</i>	450
	<b>Nguyễn Thị Minh Trang:</b> Nghiên cứu Tư tưởng đạo đức của Phan Châu Trinh - <i>Researching Phan Chau Trinh's Moral Thought</i>	453
	<b>Lê Thị Lan:</b> Nghiên cứu quan điểm của Đảng về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước - <i>Research on Phan Chau Trinh's moral ideology: Studying the Party's perspective on developing high-quality human resources to meet the country's development requirements</i>	456
	<b>Nguyễn Thị Lan Minh, Đinh Thị Tiệp, Nguyễn Ngọc Yên:</b> Nghiên cứu vai trò của ý thức cá nhân trong đời sống xã hội hiện nay - <i>Research on the role of individual consciousness in today's social life</i>	459
	<b>Nguyễn Trọng Cảnh:</b> Xây dựng phong cách lãnh đạo của bí thư Đảng ủy cấp cơ sở: nghiên cứu trường hợp ở thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên - <i>Building leadership style of grassroots Party secretary: a case study in Dong Hoa town, Phu Yen province</i>	462
	<b>Thái Hữu Đức:</b> Phát triển kinh tế thể thao trên địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương - <i>Developing sports economy in Tan Uyen town, Binh Duong province</i>	465



# Nghiên cứu Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020

Trương Thị Thùy Liên\*

\*ThS. Khoa Khoa học cơ bản và Ứng dụng.

Trường ĐH kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên

Received: 05/01/2023; Accepted: 12/01/2023; Published: 30/01/2023

**Abstract:** *In the current context of globalization and international economic integration, attracting foreign direct investment (FDI) is becoming more and more popular and plays an important role. For many years, Thai Nguyen province has been a reliable red address attracting many large domestic and foreign corporations to choose this place as a destination such as: Samsung Group, Sunny Optech... with many projects using high technology, and famous brands in the world come to invest. Creating an important new resource, contributing to the growth of the industrial economy of the province. Therefore, Thai Nguyen province needs to have policies to attract more foreign direct investment into the province.*

**Keywords:** *Investment, foreign, economy, technology, society*

## 1. Đặt vấn đề

Tỉnh Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng trung du miền núi đông bắc nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ; phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội; diện tích tự nhiên 3.562,82 km<sup>2</sup>. Tỉnh có 9 đơn vị hành chính: Thành phố Thái Nguyên; Thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên và 6 huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương. Tổng số gồm 180 xã, trong đó có 125 xã vùng cao và miền núi, còn lại là các xã đồng bằng và trung du. Với vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế Nội Bài 50 km, cách biên giới Trung Quốc 200 km, cách trung tâm Hà Nội 75 km và cảng Hải Phòng 200 km. Thái Nguyên còn là điểm nút giao lưu thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẽ quạt kết nối với các tỉnh thành, đường quốc lộ 3 nối Hà Nội đi Bắc Kạn; Cao Bằng và cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc; quốc lộ 1B Lạng Sơn; quốc lộ 37 Bắc Ninh, Bắc Giang. Hệ thống đường sông Đa Phúc - Hải Phòng; đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội - Lạng Sơn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên

#### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Tài nguyên khoáng sản phong phú về chủng loại,

là một lợi thế so sánh lớn trong việc phát triển các ngành công nghiệp luyện kim, khai khoáng... Tỉnh Thái Nguyên có trữ lượng than lớn thứ hai trong cả nước, than mỡ trữ lượng trên 15 triệu tấn, than đá trữ lượng khoảng 90 triệu tấn; kim loại màu có thiếc, chì, kẽm, vonfram, vàng, đồng, niken, thủy ngân... Khoáng sản vật liệu xây dựng cũng là tiềm năng nguyên liệu rất lớn để sản xuất xi măng, sản xuất đá ốp lát các loại và sản xuất vật liệu xây dựng. Hạ tầng cơ sở như hệ thống điện, nước, bưu chính viễn thông phát triển khá hoàn thiện và thuận lợi. Với lợi thế có nhiều danh lam thắng cảnh tự nhiên và nhân tạo như hồ Núi Cốc, các di tích lịch sử như: An toàn khu Việt Bắc - ATK, có rừng Khuôn Mảnh và di tích khảo cổ học thời kỳ đồ đá cũ ở huyện Võ Nhai. Bên cạnh đó, còn có các di tích kiến trúc nghệ thuật chùa chiền, đình, đền tại nhiều địa phương trong tỉnh như: Khu Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, Đền Đuổm, chùa Hang, chùa Phủ Liễn, đền Xương Rồng, đền Đội Cấn,...

#### 2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tỉnh Thái Nguyên có dân số gần 1,3 triệu người, 46 dân tộc anh em, trong đó có 08 dân tộc thiểu số có số đông. Là tỉnh đứng thứ 3 toàn quốc về giáo dục, đào tạo và y tế, có Đại học Thái Nguyên, với 09 trường đại học; 77 trường cao đẳng, trung học và dạy nghề, với khoảng 140 nghìn giáo viên, sinh viên và học sinh; là trung tâm y tế lớn với Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, 25 cơ sở y tế trực thuộc tỉnh. Trong giai đoạn 2015-2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm tăng 11,1%, vượt mục tiêu đề ra.

với lãnh đạo tỉnh và nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư vào tỉnh.

### 2.2.2. Chính sách hỗ trợ, đào tạo người lao động

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, các sở, ban, ngành trong tỉnh tiến hành rà soát, lập quy hoạch ngành, lĩnh vực quan trọng phục vụ cho việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, trong đó tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, địa phương và các nhà khoa học cho các vấn đề, như: Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2020; xây dựng quy hoạch phát triển ngành Công thương tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2020; xây dựng Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27-11-2009 của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Đề án: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" và Quyết định số 579/QĐ-TTg, ngày 19-4-2011, của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020"; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trợ giúp, đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Thái Nguyên.

Nhằm nâng cao trình độ năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức để lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2011 - 2015, trong đó tiếp tục tập trung vào tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, kỹ năng hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo đúng kế hoạch của tỉnh đã đề ra; chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên.

### 2.2.3. Chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường

Thực hiện Nghị quyết số 39/2006/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, ngày 15/12/2006 về phê chuẩn Đề án BVMT, ngày 24/01/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định số 185/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án "Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai đoạn 2007-2010" và đề án "Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015" và nhiều văn bản chỉ đạo về tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường (BVMT) cho các ngành, các

cấp; cải cách thủ tục hành chính; quy định mức thu, nộp, quản lý phí BVMT đối với chất thải rắn; chỉ đạo các ngành xây dựng quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ BVMT đã nâng cao trách nhiệm và sự phối hợp thống nhất của các cấp, các ngành trong công tác BVMT...

Nhằm bảo vệ môi trường bền vững, các doanh nghiệp FDI trước khi đi vào hoạt động phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá môi trường được phê duyệt, như: Xây dựng các công trình xử lý nước thải để xử lý nước thải trước khi thải vào hệ thống nước thải của KCN; xây dựng hệ thống xử lý khí thải;... Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2015 số 19/KH-BQL, ngày 09/01/2015 để nhằm cụ thể hóa các nội dung trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp. Trên cơ sở kế hoạch, Ban đã thường xuyên đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

### 2.2.4. Chính sách cải cách hành chính

Phục vụ cho hoạt động thu hút đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh, Thái Nguyên đã thực hiện cải cách hành chính trên các lĩnh vực: Hoàn thiện các quy định pháp lý, xây dựng các cơ chế chính sách về đầu tư của tỉnh; Hoàn thiện các thủ tục hành chính đồng bộ ở các ngành, các cấp; Tăng cường hiệu quả hoạt động một cửa, một cửa liên thông.

Thời gian qua, công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm phục vụ việc thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh được thực hiện khá đồng bộ và đạt kết quả đáng khích lệ. Đến nay, có nhiều cơ chế, chính sách, quy định, quy trình, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các thủ tục đầu tư được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa và ban hành, như Quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định về cơ chế hỗ trợ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; rà soát, chỉnh sửa Quy định về công tác quản lý dự án đầu tư và xây dựng sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; chỉnh sửa Quy định về cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (từ 45 ngày xuống còn 25 ngày); Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên...